

Tịch Thiên Bồ Tát tạo luận
Thích Tịnh Nghiệm dịch chú

Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú



Tường Quang Tùng Thư
Phật lịch 2550, TL 2007



Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Lời Giới Thiệu

Geshe Kelsang Gyatso

Bộ luận trứ danh nhan đề Nhập Bồ Tát Hạnh (Phạn: Bodhisattvacharyavatara) là một kiệt tác của Bồ tát Tịch Thiên (Phạn: Shantideva), một bậc cao tăng lừng lẫy của Phật giáo Ấn Độ vào thế kỷ thứ tám. Bộ Thánh điển này là một cẩm nang thực tiễn, hướng dẫn chúng ta làm thế nào để thể nhập, thăng tiến, và hoàn thành con đường đi đến Phật quả. Nó là sự cô đọng tất cả lời dạy của Đức Bổn Sư, và chỉ dẫn một cách rất rõ ràng phương cách làm thế nào để áp dụng lời dạy của Đức Thế Tôn vào cuộc sống thực tiễn hằng ngày.

Bộ sách này của ngài Tịch Thiên đã là một nguồn khích lệ (Anh: inspiration) mạnh mẽ cho những tác phẩm Phật giáo vĩ đại khác, chẳng hạn như quyển Tám Bài Kệ Huấn Luyện Tâm Thức (Anh: Eight Verses of Training the Mind) của ngài Langri Tangpa thuộc dòng Kadampa, và quyển Bảy Điểm Huấn Luyện Tâm Thức (Anh: Training the Mind in Seven Points) của Bồ tát Chekhawa. Hai quyển sách này giảng giải phương cách tán thán công đức của người khác, tu tập pháp quán “sự bình đẳng giữa mình và người”, “trao đổi mình và người”, cách thực tập “cho và nhận”, và phương cách chuyển đổi nghịch cảnh thành phương tiện giải thoát. Tất cả lời giáo huấn này đều được trích lục từ quyển Nhập Bồ Tát Hạnh của ngài Tịch Thiên. Rất nhiều hành giả phái Kadampa đã thuộc nằm lòng những lời dạy của ngài, và ngài Tsong Khapa cùng các

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tịch Thiên

đệ tử cũng đã từng nhiệt liệt tán thán kiệt tác này của Bồ tát Tịch Thiên.

Qua sự học hỏi nhiều kinh điển Phật giáo có thể làm cho chúng ta trở thành những học giả nổi tiếng, thế nhưng, nếu chúng ta không chịu áp dụng những lời dạy của Đức Phật ---- Pháp ---- vào trong cuộc sống hằng ngày, thì sự hiểu biết Phật pháp của chúng ta sẽ mãi mãi nông cạn, và chúng ta sẽ không có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề cho chính mình cùng những người chung quanh. Nếu chỉ hy vọng rằng những kiến thức suông về Phật pháp sẽ giải quyết vấn đề phiền lụy trong cuộc sống, thì cũng giống như người bệnh hy vọng được lành bệnh chỉ bằng cách đọc những toa thuốc, mà không chịu uống thuốc, như ngài Tịch Thiên đã nói trong phẩm thứ năm, kệ 109:

**Pháp, phải cung kính hành,
Chỉ nói không ích gì!
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?**

Mỗi người trong chúng ta đều rất khẩn thiết mong muốn xa lìa những vấn đề khổ đau và phiền lụy. Chúng ta thường thường tìm cách giải quyết vấn đề này bằng những phương tiện vật chất bên ngoài, thế nhưng, dù chúng ta có thành công cách mấy trên phương diện vật chất ---- bất luận chúng ta đạt được sự giàu có, thế lực, danh vọng bao nhiêu đi chăng nữa ---- chúng ta sẽ không bao giờ tìm được sự giải thoát vĩnh viễn khỏi sự khổ đau và phiền lụy của cuộc đời. Phiền não, bệnh hoạn, khổ đau, và phiền lụy không hiện hữu ở phía ngoài tâm của chúng ta, mà chúng chỉ là những “cảm giác khó chịu” (Anh: unpleasant feeling), và những cảm giác này

Lời Giới Thiệu — Geshe Kelsang Gyatso

đều là những biểu hiện khác nhau của cái tâm. Chỉ có phương pháp hoán chuyển tâm thức mới có thể giúp chúng ta vĩnh viễn trừ diệt những phiền não và hệ lụy này. Những phương pháp đó đã được giải thích một cách tỉ mỉ trong quyển sách này của ngài Bồ tát Tịch Thiên.

Trên thực tế, tất cả những vấn đề mà chúng ta va chạm hằng ngày đều phát sinh từ sự tự cao và chấp trước ---- quan niệm sai lầm đề cao quá đáng sự quan trọng của chính mình. Thế nhưng, vì chúng ta không hiểu rõ điều này, chúng ta thường thường đổ lỗi cho những người chung quanh về những vấn đề của chính chúng ta, và điều này chỉ làm cho sự kiện trở nên trầm trọng. Từ hai quan niệm sai lầm căn bản này đã phát khởi những vọng tưởng khác, chẳng hạn như sân hận và tham luyến, làm cho vấn đề của chúng ta càng lúc càng trở nên phức tạp. Chúng ta khăng định có thể giải quyết tất cả vấn đề này bằng cách thành tâm tu tập những lời dạy được trình bày trong quyển sách này. Ít nhất, chúng ta phải nên ghi nhớ nằm lòng những bài kệ mà chúng ta nhận thấy rằng có ích lợi nhất, và sau đó suy tư tường tận về ý nghĩa của chúng cho đến khi tâm chúng ta trở nên tĩnh lặng và trong sáng. Chúng ta phải nên bảo trì tình trạng này một cách liên tục không gián đoạn. Nếu thực tập như vậy, chúng ta sẽ dần dần thể nghiệm sự an lạc và ý nghĩa của cuộc đời.

Chúng ta nên đọc quyển sách này với một tâm thái hoan hỷ, chuyên chú và khách quan. Một điều cũng rất quan trọng là chúng ta nên gia tăng sự thể hội của mình bằng cách đọc thêm các sách chú giải, chẳng hạn như quyển *Meaningful to Behold*. Qua sự thành tâm tu tập những điều dạy trong đây, chúng ta có thể chuyển đổi bản tánh của mình ---- *sự quan tâm tự ngã chuyển thành tâm thái từ*

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

bi, kiến giải lầm lạc chuyển thành trí tuệ sâu sắc, và cuộc sống phàm tục ích kỷ chuyển thành cuộc sống Bồ tát lợi tha. Theo hướng đi này, chúng ta sẽ dần dần đạt đến tâm thái tuyệt đối an lạc của sự giác ngộ, và đây chính là ý nghĩa chân thật của cuộc sống con người.

Tiểu Sử Bồ Tát Tịch Thiên

Sách Đạt Cát Kham Bố thuật

Theo truyền thuyết, Tịch Thiên là thái tử của nước Hiền Cương ở miền nam Ấn Độ, tên là Tịch Khải, cha ngài là vua Thiện Khải. Từ nhỏ ngài đã rất tin tưởng Phật pháp, tôn kính Tam bảo, rất có lòng từ bi đối với họ hàng quyến thuộc, cùng với tất cả mọi người chung quanh, và thường hay bố thí giúp đỡ họ. Lúc nhỏ, ngài đã có một kiến thức vượt xa mọi người, và đã am hiểu nhiều loại học vấn, kỹ nghệ thế gian. Ngài đến cầu học với một vị hành giả Du già tên Cổ Tô Lỗ, cầu khẩn tu học “Văn Thù Sư Lợi Nhuệ Lợi Trí Thành Tự Pháp”, sau một giai đoạn tinh tiến tu trì đã thấy được Bản tôn (các vị cổ đức Ấn Độ, như ngài Luận sư Trí Tác Tuệ, Tôn giả Atisa, v.v..., đều công nhận rằng ngài Tịch Thiên là hóa thân của Đức Văn Thù. Tôn giả Atisa trong quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận có viết: “Luận sư Tịch Thiên đích thân gặp được Bồ tát Văn Thù, được sự gia trì của ngài và đã liễu ngộ chân đế”, lại có một vị luận sư tên Bồ Trát cũng đã thuật lại tương tự như vậy). Sau khi vua Thiện Khải băng hà, quần thần bèn chuẩn bị đại lễ đăng quang cho thái tử. Vào đêm trước khi đại lễ cử hành, thái tử nằm mộng thấy Bồ tát Văn Thù. Trong giấc mộng, Đức Văn Thù ngồi trên ngai vàng mà thái tử Tịch Khải sắp đăng cơ, ngài nói với thái tử: “Này con yêu, đây là bảo tòa của ta, ta là thượng sư của con, nếu con cùng ngồi một chỗ với ta, e rằng không hợp.” Lại có truyền thuyết cho rằng thái tử nằm mộng thấy Đại Bi Độ Mẫu (hóa thân của Đức Quán Âm) dùng nước sôi để quán đánh cho mình,

thái tử bèn hỏi Độ Mẫu tại sao lại dùng nước sôi làm lễ quán đảnh. Độ Mẫu trả lời: “Nước dùng để quán đảnh nhà vua (lúc lên ngôi) và nước sôi trong địa ngục có gì khác biệt. Ta dùng nước sôi để quán đảnh cho con, là có ý nghĩa này.” Sau khi thức dậy, thái tử Tích Khải hiểu rằng đây là sự thọ ký và gia trì của Bồ tôn, bèn phát tâm xuất ly, xả bỏ những lạc thú thế gian, nhân đây âm thầm rời bỏ hoàng cung, lên đường tìm đạo. Thái tử đi một mình lang thang qua nhiều vùng đồi núi hoang vu, đến ngày thứ hai mươi mốt thì đến một khu rừng rậm rạp, thái tử cảm thấy rất mệt mỏi và đôi khát, trông thấy một vũng nước bùn bèn vội vã lần đến bên cạnh định vốc nước uống, đột nhiên thấy một thiếu nữ đẹp lộng lẫy hiện ra, bảo thái tử là không nên uống nước đó, mà phải nên uống nước trong sạch, nói xong bèn dẫn thái tử đến một dòng suối trong vắt, bên cạnh dòng suối có một vị Du già sư đang ngồi kiết già, sự thực, vị Du già sư đó chính là hóa thân của ngài Văn Thù, còn thiếu nữ xinh đẹp kia chính là Độ Mẫu hóa hiện. Sau khi uống nước suối no nê, thái tử bèn thỉnh cầu vị Du già sư truyền thọ pháp yếu thù thắng, rồi y theo đó mà tu tập, và lần lần đạt được cảnh giới trí tuệ thâm sâu thù thắng.

Sau đó, Tích Khải bèn đi du lịch miền đông Ấn Độ, đến nước của vua Ngũ Sư. Có một vị đại thần của vua biết thái tử là người võ nghệ cao cường, bèn tiến cử thái tử cho nhà vua, từ đó thái tử trở thành một vị đại thần của vua Ngũ Sư. Thái tử nhân đây đem những sở học của mình về võ nghệ, v.v..., truyền bá cho mọi người. Có một đoạn thời gian, thái tử làm thị vệ cho nhà vua, có một số quần thần đố kị, thấy ngài thường đeo bên mình thanh kiếm gỗ mà ngài dùng để tu tập pháp của Bồ tôn Văn Thù, bèn dèm pha với nhà vua: “Vị cận thần mới này là một kẻ gian xảo, Bệ hạ nếu không tin, hãy xem thanh kiếm của hắn, quyết không thể nào

Tiểu Sử Bồ Tát Tịch Thiên — Sách Đạt Cát Kham Bố

hộ vệ nổi Bệ hạ.” Nhà vua nghe xong, nửa tin nửa ngờ, bèn ra lệnh Tịch Khải đưa thanh kiếm cho ông ta xem. Tịch Khải nói với nhà vua: “Thưa Bệ hạ! Điều này sẽ làm tổn thương đến long thể của ngài!” Thế nhưng, nhà vua vẫn không nghe, nặng nặc cưỡng bách Tịch Khải phải rút thanh kiếm ra khỏi vỏ, Tịch Khải không còn cách nào khác, bèn yêu cầu nhà vua che mắt phải lại, sau đó rút thanh kiếm gõ ra cho nhà vua xem. Thanh kiếm vừa được rút ra khỏi vỏ thì luồng ánh sáng chói lọi mãnh liệt phát ra từ thanh kiếm làm trông mắt trái của nhà vua đang chăm chăm nhìn vào nó rơi xuống đất. Nhà vua cảm thấy vô cùng đau đớn, trong tâm chan hòa niềm hối hận, tự trách, đồng thời nhận thức được rằng Tịch Khải là một vị hành giả đại thành tựu. Nhà vua cùng quần thần vội vàng quỳ mọp xuống đất, hướng Tịch Khải cầu sám hối, quy y. Tịch Khải bèn làm phép gia trì cho nhà vua, khiến cho mắt trái của ông ta được bình phục như cũ. Nhờ có cơ hội này mà tâm ý nhà vua chuyển biến, hoàn toàn tuân theo những lời chỉ dẫn của thái tử. Trong địa hạt cai trị của ngài, dựng cao ngọn cờ Phật giáo, hoàng dương Chánh pháp. Có nhiều truyền thuyết về khoảng thời gian mà Tịch Khải ở tại nước của vua Ngũ Sư, dù sao chẳng nữa, sau khi Tịch Khải điều phục giáo hóa vua Ngũ Sư, ngài đã đi đến chùa Na Lan Đà ở miền trung Ấn Độ.

Sau khi Tịch Khải đến chùa Na Lan Đà, ngài bèn xuất gia với ngài Thắng Thiên, đương thời là vị thượng thủ của năm trăm vị Ban trí đạt (Hán: ngũ bách ban trí đạt chỉ thủ) trong chùa, pháp danh là Tịch Thiên. Khi ấy, ngài giấu kín công đức tu chứng của mình, bí mật nghe đức Văn Thù giảng pháp, tinh tiến tu tập thiền quán, đồng thời tìm học thứ tự tu tập của Bồ tát Đại thừa. Ngài đã sưu tập tinh nghĩa của hơn một trăm bộ kinh luật luận, và đã biên soạn hai bộ sách nhan đề Nhất Thiết Học Xứ Tập Yếu (gọi tắt Học

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tịch Thiên

Tập Luận) và Nhất Thiết Kinh Tập Yếu (gọi tắt Kinh Tập Luận). Thế nhưng, những người bên ngoài chỉ thấy ngài không quan tâm đến những sự việc gì khác, ngoài những việc ăn uống, ngủ nghỉ, và đi tản bộ, vì lý do này, mọi người đều châm biếm, đặt cho ngài một biệt hiệu là “tam tưởng”. Vị tăng tri sự trong chùa, cho rằng Tịch Thiên không đầy đủ công đức tu hành chánh pháp, không đủ tư cách cư trú ở trong chùa, nhưng lại không tìm được lý do chính đáng nào để trục xuất ngài. Sau đó ít lâu, trong chùa tổ chức đại hội tụng kinh, yêu cầu tất cả các tỳ kheo trong chùa phải đọc thuộc lòng các kinh điển mà mình đã học tập, có một số muốn mượn cơ hội này để làm nhục Tịch Thiên, khiến cho ngài phải tự động ra khỏi chùa, bèn yêu cầu Luận sư Thắng Thiên an bài việc tụng kinh cho Tịch Thiên, ngài bèn đồng ý chấp thuận. Hôm đến phiên ngài tụng kinh, bọn người đó tại hội trường bèn đặt một giảng đài thật cao, nhưng lại không có bậc thang để bước lên. Hội trường chen chúc những người tin tưởng vào tài năng của Tịch Thiên, cùng những người muốn đến xem ngài sẽ dỡ những trò gì. Tịch Thiên không quan tâm đến sự náo nhiệt chung quanh, ung dung bước lên giảng đài (?), sau khi lên đài, ngài bèn hỏi đại chúng: “Xin hỏi quý ngài muốn tôi đọc thuộc lòng những kinh điển đã được nghe qua, hay chưa được nghe qua?” Những người đến để xem vui bèn cố ý yêu cầu Tịch Thiên đọc thuộc lòng những kinh điển chưa được nghe qua. Lúc đó, thụy tướng bỗng nhiên xuất hiện, nhiều người trong đại chúng thấy Đức Văn Thù hiện ra trên không trung, và Bồ tát Tịch Thiên bắt đầu đọc tác phẩm Nhập Hành Luận, từ trong trí tuệ của ngài lưu xuất, tụng đến bài kệ 34 của phẩm thứ chín:

***Nếu pháp thực, không thực,
Đều không hiện trước tâm,
Lúc đó không tương khác,***

Không duyên, tối tịch diệt.

Thì ngài từ từ bay lên không trung, càng lúc càng cao, đến lúc không còn thấy bóng, chỉ từ không trung nghe văng vẳng lời tụng của ngài, cho đến khi hết quyển luận mới dứt. Lúc ấy, các vị Ban trí đạt chứng được “Bất vong đà la ni”, mỗi người tự ghi lại phần mình nhớ được. Vị Ban trí đạt của xứ Khắc Thập Mễ La (Kashmir) nhớ được một ngàn bài kệ, vị Ban trí đạt của Đông Ấn nhớ được bảy trăm bài kệ, còn vị Ban trí đạt của Trung Ấn nhớ được một ngàn bài kệ, nhân đây mọi người khởi lên việc tranh luận hoài nghi. Sau đó ít lâu, mọi người nghe được tin ngài Tịch Thiên đang cư ngụ tại tháp Cát Tường Công Đức ở vùng nam Ấn Độ (theo sử liệu của Nepal, tháp Cát Tường Công Đức là tháp của Phật Hương Ngâm), liền phái hai vị Ban trí đạt nổi danh đến thỉnh ngài trở về chùa, nhưng ngài đã khéo léo chối từ, hai vị ấy không còn cách nào hơn là yêu cầu ngài xác nhận tụng văn của quyển Nhập Hành Luận, Tịch Thiên bèn xác nhận rằng bản tụng một ngàn bài kệ là chính xác, hơn nữa, còn cho họ biết là trong phòng của ngài tại Na Lan Đà còn để bản thảo của ba bộ “Học Tập Luận”, “Kinh Tập Luận” và “Nhập Hành Luận”, và từ đó bộ Nhập Hành Luận đã dần dần được truyền bá rộng rãi tại Ấn Độ.

Khi Tịch Thiên đến tháp Cát Tường Công Đức, trong khu rừng sầm uất chung quanh cũng có năm trăm vị tỳ kheo đang cư trú. Tịch Thiên bèn dựng một cái am tranh để tạm cư. Trong rừng có rất nhiều dã thú, bọn chúng sống chung với các vị tu hành một cách hòa mục. Các vị tỳ kheo thường thường trông thấy từng đoàn thú rừng đi vào am của Tịch Thiên, tuy đó là một sự kiện rất bình thường, thế nhưng một vài người trong bọn họ lại cảm thấy rất dị thường. Bọn họ theo dõi sự tình, thì phát giác rằng những con thú đi

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tịch Thiên

vào am của Tịch Thiên đều không thấy trở ra. Bọn họ đến cạnh am của Tịch Thiên len lén nhìn vào thì thấy ngài đang nhai ngấu nghiến những miếng thịt to. Các vị tỳ kheo suy đoán là Tịch Thiên đang phạm tội sát sanh, bèn đánh bằng tập hợp toàn thể các vị tỳ kheo sống trong rừng, chuẩn bị tuyên bố việc phá giới ác hạnh của ngài, và dự định sau đó sẽ trục xuất ngài ra khỏi rừng. Đang lúc bọn họ đang tập hợp thương nghị, thì những con thú rừng đã bị “mất tích” từ lâu, đột nhiên từ trong am của Tịch Thiên đi ra. Điều đáng kinh ngạc là các vị tỳ kheo sống lâu năm trong rừng phát giác rằng những con thú đó, hiện nay thần khí sung túc, thân thể lại trắng kiện hơn xưa. Sau khi chứng kiến được kiện kinh dị này, mọi người đều sinh khởi lòng tin tha thiết đối với đối với ngài. Thế nhưng, vì không muốn mọi người biết chơn tướng của mình, Tịch Thiên đã từ chối lời cầu thỉnh của đại chúng lưu giữ ngài ở lại, và sau đó du hành về phương nam. Từ đó, ngài ăn mặc lam lũ, đi nhặt những thực phẩm phế thải để ăn, một mặt tu tập mật hạnh “ô thô ma”. Vị vua vùng đó tên là Ca Để Tỳ Xá Lê, có một tỳ nữ, có một lần nàng ấy làm đổ một chậu nước tắm, nước vấy vào thân ngài Tịch Thiên, những giọt nước đó như bị chạm vào sắt nóng, đều bốc thành hơi. Nàng tỳ nữ thấy sự việc đó, còn đang hoảng kinh, thì ngài Tịch Thiên đã biến mất.

Lúc đó, có một ngoại đạo nổi danh tên là Hương Ca Đắc Ngõa tâu với nhà vua: “Hai ngày sau, chúng tôi sẽ vẽ Đàn thành của Đại tự tại thiên trên không trung, nếu như các tín đồ Phật giáo không thể hủy hoại Đàn thành này, thì chúng tôi sẽ thiêu hủy kinh, tượng Phật giáo, v.v..., và hơn nữa, các tín đồ Phật giáo cũng sẽ bị cưỡng bức gia nhập vào đạo của chúng tôi.” Nhà vua là một tín đồ Phật giáo, nghe xong bèn triệu tập tăng chúng, loan báo về việc ngoại đạo khiêu chiến, thế nhưng, trong tăng chúng không có người

Tiểu Sử Bề Tát Tịch Thiên — Sách Đạt Cát Kham Bố

nào dám quả quyết là có thể phá hủy Đàn thành. Nhà vua thấy sự tình như thế, cảm thấy rất lo lắng; lúc đó, nàng tỳ nữ tâu với vua về vị đạo sĩ kỳ dị mà nàng đã gặp, nhà vua bèn ra lệnh cho nàng phải cấp tốc đi tìm vị đạo sĩ ấy. Nàng tỳ nữ đi khắp nơi, rốt cuộc tìm thấy Tịch Thiên đang ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây ngoài đồng vắng, nàng liền đem lời của vua thỉnh cầu hàng phục bọn ngoại đạo bạch lại với ngài. Tịch Thiên nghe xong bèn nhận lời, bảo nàng ấy hôm đó phải chuẩn bị sẵn một bình nước lớn, hai tấm vải và một mối lửa. Sáng sớm ngày thứ ba, bọn ngoại đạo bắt đầu dùng đất màu để vẽ Đàn thành của Đại tự tại thiên trên không trung, vừa vẽ xong cửa đông của Đàn thành, thì ngài Tịch Thiên nhập Phong du già định, hiển thị thần thông, tức thời có một cơn mưa bão dữ dội kéo đến, trong khoảnh khắc, phần Đàn thành mà bọn ngoại đạo vừa vẽ trên không trung bị phá hủy không còn một dấu vết. Bọn ngoại đạo đang run rẩy vì sợ hãi cũng bị gió cuốn lên không trung, giống như lá rụng, bay đi bốn phía. Khi đó trời đất u ám, ngài Tịch Thiên phóng ánh sáng từ chặng giữa lông mày, chiếu sáng nhà vua, hoàng hậu và mọi người. Trong cơn gió mưa tầm tã, mọi người đều áo quần ướt tả, lúc đó, nàng tỳ nữ bèn đem bình nước đã chuẩn bị trước cho mọi người tẩy rửa, sau đó lại đem hai tấm vải khoát lên người của vua và hoàng hậu, rồi dùng mối lửa đốt lên một đống lửa lớn để mọi người sưởi ấm, Ai cũng đều cảm thấy rất hân hoan vì đã hàng phục được bọn ngoại đạo. Sau vụ đó, nhà vua ra lệnh thiêu hủy tất cả đền thờ của bọn ngoại đạo, và tất cả bọn họ đều quy y Phật pháp. Vùng đất mà Tịch Thiên hàng phục bọn ngoại đạo, cho đến hiện tại, được gọi là vùng “Ngoại đạo thất bại”.

Sau đó, Tịch Thiên đã du hành đến xứ Mạn Ca Đạt ở miền đông Ấn Độ, tại đó ngài đã từng tranh biện với bọn ngoại đạo, và đã hiển thị thần thông chiết phục bọn chúng.

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tịch Thiên

Tại vùng phía tây cách Mạn Ca Đạt không xa, có năm trăm ngoại đạo tà kiến nổi danh cư trú. Lúc đó nạn đói đang hoành hành, bọn họ không tìm ra được thức ăn, đang bị sự đói khát dày vò khổ sở, không còn phương cách nào khác, bọn họ bèn thương nghị rằng nếu người nào có thể giải quyết vấn đề ẩm thực thì sẽ tôn người đó lên làm thủ lãnh. Ngài Tịch Thiên biết được, liền vào trong thành xin được một bát cơm, sau khi làm pháp gia trì, bèn đem đến cho bọn chúng ăn, bọn chúng ăn uống no nê mà cơm vẫn còn chưa hết, nhân đây, bèn tôn ngài Tịch Thiên lên làm thủ lãnh. Ngài đem Phật pháp giảng giải cho bọn họ nghe, khiến bọn họ vứt bỏ tà kiến, quy y Phật pháp, sau đó tất cả đều trở thành những nhà tu chân chánh.

Lại có một thời kỳ, có một vùng tại Ấn Độ, mùa màng bị thất thu, bị nạn đói rất trầm trọng. Trong vùng có hơn một ngàn người ăn mày không còn cách nào để xin được thực phẩm, mỗi người trong bọn họ chỉ còn có cách bó tay chờ chết. Đang lúc mọi người trong tình trạng thoi thóp, ngài Tịch Thiên bèn dùng thần thông, khiến mọi người trong nhóm đều được ăn uống no đủ, sau đó ngài giảng pháp cho họ nghe về nhân quả, luân hồi, ngũ giới, thập thiện, v.v..., dẫn họ tiến nhập vào Phật pháp.

Trên đây là những mẫu chuyện nhỏ về Bồ tát Tịch Thiên, người mà trong cuộc đời mình đã từng đem đến cho Phật pháp và chúng sinh bao nhiêu sự lợi ích. Cho đến ngày hôm nay, những kẻ có diễm phúc đọc được bộ luận này, nếu theo đó mà suy tư, tu tập, chắc chắn cũng sẽ tìm được ở đây một niềm vui bao la bất tụyệt ./.

Lời Dẫn Nhập

Thích Như Thạch

Nói một cách tổng quát, nội dung bộ Nhập Hành là muốn chỉ rõ thứ lớp tu tập pháp môn Đại thừa: Thế nào phát tâm Bồ Đề và tu tập Bồ Tát hạnh. Toàn bộ luận phân làm mười phẩm. Phẩm thứ nhất Lợi ích của tâm Bồ Đề, khuyến khích chúng sinh phát tâm Bồ Đề chân thực. Phẩm thứ hai Sám hối tội chướng, kể đó tu tùy hỷ, khuyến thỉnh, và hồi hướng phúc đức rộng lớn. Phẩm thứ ba Thọ trì tâm Bồ Đề, phát khởi tâm Bồ Đề nguyện cùng thọ giới Bồ Tát. Phẩm thứ tư Không phóng dật, tu tập không phóng dật, hầu tránh vi phạm Bồ Tát học xứ. Phẩm thứ năm Bảo hộ chánh tri, cho biết làm thế nào để thủ hộ (giữ gìn) Bồ Tát học xứ. Phẩm thứ sáu Nhẫn nhục, dạy tu nhẫn nhục để trừ khử tâm lý chướng ngại trong sự tu tập Bồ Tát hạnh. Phẩm thứ bảy Tinh tiến, vì muốn được tăng trưởng Bồ Tát hạnh, phải tinh cần tu tập. Phẩm thứ tám Thiên định, trước tiên tu tĩnh lực để đối trị hôn trầm, tán loạn (đặc biệt quở trách sự tham dục). Sau đó tiến thêm một bước tu tập pháp môn tự tha hoá (trao đổi mình và người), để tăng trưởng tâm Bồ Đề thế tục. Phẩm thứ chín Trí tuệ, vì muốn thông đạt thực tướng của chư pháp, dẫn đến tâm Bồ Đề thắng nghĩa, hầu có thể đoạn trừ phiền não, nên phải có trí tuệ. Phẩm thứ mười Hồi hướng, đem tất cả công đức của nghiệp lành hồi hướng đến tất cả chúng sinh.

Phần trên là đại ý nội dung của bộ luận này. Nếu qui nạp lại, có thể chia làm bốn phần:

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

(1) Ba phẩm đầu là tông chỉ chủ yếu, đối với chúng sinh chưa phát tâm, dẫn phát thế tục tâm Bồ Đề Nguyên và tâm Bồ Đề Hành.

(2) Ba phẩm Không phóng dật, Bảo hộ chánh tri, Nhẫn nhục, chỉ dẫn, khuyến khích thế nào thủ hộ tâm Bồ Đề cùng nghiêm trì giới Bồ Tát, không để cho ngoại duyên làm ô nhiễm, thoái thất.

(3) Ba phẩm Tinh tiến, Tĩnh lự, Trí tuệ, một mặt giúp hành giả tăng tiến tâm Bồ Đề thế tục, một mặt đem hành giả đến sự phát sinh tâm Bồ Đề thắng nghĩa, thuần tịnh không nhiễm. Cùng y vào đây thực hành xuất thế gian Ba la mật, tăng trưởng phúc tuệ tư lương, tăng tiến cho đến lúc thành Phật.

(4) Cuối cùng là phẩm Hồi hướng, hồi hướng phát nguyện, và đây cũng là một phương cách tăng trưởng vô tận phúc đức.

Nếu từ một khía cạnh khác, theo quan điểm của chính ngài Tích Thiên trong quyển Học Tập Luận, có thể giải thích như sau:

(1) Tông chỉ chủ yếu của ba phẩm đầu là muốn dẫn phát một loại ý nguyện tối thù thắng. Nguyên đem thân thể, tài sản, thiện căn của mình, hoàn toàn bố thí cho tất cả chúng sinh. Hơn nữa, lại bắt đầu chân thành tu tập hạnh Bồ Tát.

(2) Ba phẩm Không phóng dật, v.v..., chủ yếu muốn nói đến trong quá trình tu học, làm thế nào để thủ hộ thân thể, tài sản, thiện căn của mình để thuận tiện cho việc lợi ích chúng sinh.

Lời Dẫn Nhập — Thích Như Thạch

(3) Bốn phẩm cuối là muốn chỉ đạo hành giả, sau khi thủ hộ thân thể, tài sản v.v... , làm thế nào tiến thêm một bước nữa trong công việc tịnh hóa cùng tăng trưởng.

Nói một cách tổng quát, nội dung chủ yếu của bộ Nhập Hành này là chỉ dẫn hành giả trong quá trình tu học hạnh Bồ Tát, làm thế nào tu tập lục độ vạn hạnh, để thuận tiện dùng những phương thức bố thí, thủ hộ, tịnh hóa cùng tăng trưởng thân thể, tài sản, thiện căn v.v..., trong việc lợi tế quần sinh. Tịch Thiên trong quyển Học Tập, phẩm Học tập bố thí, có nói: "Đem thân thể, tài vật cùng thiện căn của mình hoàn toàn bố thí cho tất cả hữu tình. Hơn nữa, phải thủ hộ, tịnh hoá cùng tăng trưởng chúng. Đây là yếu lĩnh của Bồ Tát học xứ". Tại cuối phẩm đó, Tịch Thiên dẫn kinh Bảo Vân mà kết luận như sau: "Thí xả là Bồ Đề của Bồ Tát".

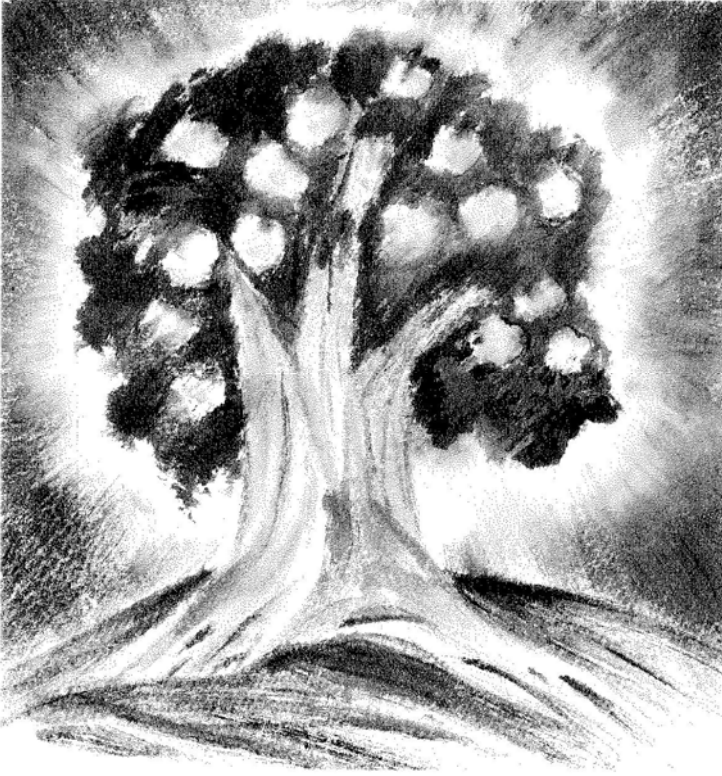
Nhập Hành phẩm thứ ba, bài kệ 10, 11 cũng nói: "Vì muốn thành tựu sự lợi ích của tất cả hữu tình, con bố thí thân mệnh mình không chút luyến tiếc. Bố thí tất cả tài sản cùng thiện căn phúc đức. Nếu có thể từ đáy lòng thí xả tất cả thân thể, tài sản, thiện căn, con sẽ vượt qua tất cả khổ, thành tựu Niết Bàn".

Do đây, có thể thấy được Tịch Thiên rất chú trọng đến sự tu tập bố thí. Từ cái nhìn của ngài, chữ Xả là tổng trì trong sự hành trì của cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Hành giả Tiểu thừa, do vì xả ly tất cả sự tham luyến đối với tam giới mà chứng được sự diệu lạc của Niết Bàn. Hành giả Đại thừa, lại tiến thêm một bước, xả bỏ luôn sự diệu lạc của Niết Bàn, đạt tới cái gọi là "Trí không trụ ba cõi, Bi không trụ Niết Bàn", chính là cảnh giới vô trụ của vô thượng Bồ Đề.

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tịch Thiên

Chính do Tịch Thiên nghĩ rằng tu bố thí là trọng yếu nhất trong quá trình tu học Bồ Tát hạnh, vì thế ngài không lập riêng một phẩm Bố thí, mà đem quan niệm "thí xả tất cả" vào trong tất cả các phẩm khác. Nhân đây, trong mỗi phẩm của quyển Nhập Hành, có thể thấy rõ ý nghĩa của sự "**thí xả tất cả**" này.

Lợi Ích Của Tâm Bồ Đề



Việc lành như cây chuối,
Sinh quả liền chết khô;
Tâm Bồ Đề sinh quả,
Không chết lại xanh tốt.

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm một: Lợi ích của tâm Bồ Đề

Phẩm một:

Lợi ích của tâm Bồ Đề

(1) Lạy khắp mười phương Phật,
Bồ Tát, Hiền thánh tăng;
Vương Pháp xin lược nói:
Phật tử luật nghi hành.

(2) Trong đây không gì mới,
Tôi không rành âm luật,
Đâu dám nói lợi người,
Soạn luận để tự tu.

(3) Nhờ tu theo thiện pháp,
Niềm tin dần tăng trưởng;
Những người cùng duyên lành,
Nhân đây, đều lợi ích.

(4) Thân người khó gặp được,
Đã được, cố tu thiện,
Nếu đời này không tu,
Đời sau khó gặp lại!

(5) Giống như trời đềm mây,
Phút chốc chớp ánh điện;

Như vậy, nhờ Phật lực,
Người đời sinh tâm lành.

(6) Tâm lành thường yếu đuối,
Tâm ác rất hung mãnh;
Nếu bỏ tâm Bồ Đề,
Lành làm sao thắng ác?

(7) Phật nhiều kiếp tư duy,
Tâm Bồ Đề là nhất,
Chúng sinh xuống vào đây,
Thuận lợi, được thắng lạc.

(8) Muốn diệt khổ ba cõi,
Cùng những sự bất an,
Muốn hưởng sự an lạc,
Xin đừng bỏ tâm này!

(9) Kẻ từ ngục sinh tử,
Nếu phát Bồ Đề tâm,
Tức khắc tên Phật tử;
Trời người nên cung kính!

(10) Tâm này thuốc luyện kim,
Chuyển thân nhớp nhúa này,
Thành thân Phật vô giá;
Xin gìn giữ tâm này!

(11) Đạo Sư dùng tuệ quán,
Tâm này rất quý báu;
Muốn ra khỏi ba cõi,
Xin giữ vững tâm này!

(12) Việc lành như cây chuối,
Sinh quả liền chết khô;
Tâm Bồ Đề sinh quả,
Không chết lại tươi tốt.

(13) Có kẻ tuy phạm tội,
Nương thế lực không sợ.
Nếu có chỗ cứu vớt,
Kẻ sợ sao không nương?

(14) Tâm này như kiếp lửa,
Sát na diệt tội ác;
Di Lạc bảo Thiện Tài:
Tâm này đức vô lượng!

(15) Tóm lược, tâm Bồ Đề,
Được phân làm hai loại:
Là tâm Bồ Đề Nguyện,
Và tâm Bồ Đề Hành.

(16) Như người định ra đi,

Ừa người đã dẫn bước;
Cũng thế, nên hiểu rằng,
Hai tâm khác như vậy.

(17) Nguyên Tâm trong sinh tử,
Tuy sinh quả lạnh lớn,
Nhưng không bằng Hành Tâm,
Tương tục tăng phước đức.

(18) Chừng nào nguyên độ kết,
Chư hữu tình vô biên,
Lập chí không thoái chuyển,
Thọ trì Hành Tâm này.

(19) Từ lúc đó trở đi,
Dù ngủ nghệ, phóng dật,
Tương tục sinh phước đức,
Lượng nhiều như hư không!

(20) Vì người tin Tiểu thừa,
Phật trong kinh Diệu Tỳ,
Nói đến sự hợp lý,
Lợi ích của tâm này.

(21) Chỉ mong ước trí lạnh,
Chúng sinh bệnh đau đầu,
Khởi tâm lợi ích này,

Được phước vô cùng tận.

(22) Hướng chi trừ hữu tình,
Vô lượng sự khổ đau,
Lại thành tựu hữu tình,
Vô lượng chư phước đức.

(23) Mẹ, cha, hay kẻ nào,
Có được tâm như vậy?
Dù tiên, trời cõi Dục,
Phạm thiên cũng không có!

(24) Bọn họ chưa từng nghĩ,
Giải thoát cho chính mình,
Hướng khởi tâm lợi ích,
Giải thoát cho chúng sinh?

(25) Kẻ khác còn chưa từng,
Phát khởi tâm tự độ;
Sinh tâm trên quý này,
Đã có chưa từng gặp!

(26) Tâm Bồ Đề trên quý,
Nhân của sự an lạc,
Mưa cam lộ trừ khổ,
Phước đức thực khôn lường!

(27) Chỉ nghĩ lợi chúng sinh,
Phước đức hơn cúng Phật,
Hưởng cần cù tinh tiến,
Lợi lạc chừ hữu tình.

(28) Chúng sinh muốn trừ khổ,
Trái lại tặng thêm khổ!
Kẻ ngu tuy cầu vui,
Giết vui như giết thù!

(29) Uối kẻ thiếu niềm vui,
Cuộc sống nhiều khổ não,
Tâm này đem an lạc,
Dứt khổ đau, lại còn,

(30) Trừ ngu si cho họ!
Có lành nào như vậy?
Có bạn nào tốt hơn?
Có phước nào như thế?

(31) Có kẻ chỉ trả ơn,
Còn được người tán thán,
Hưởng gì người chưa nhờ,
Bồ Tát tự đến giúp!

(32) Có kẻ tâm bốn sên,
Đem chút cơm cho người,

Phẩm một: Lợi ích của tâm Bồ Đề

Để họ qua cơn đói,
Còn được đời ca ngợi.

(33) Hướng chi thường bố thí,
Niềm vui của chư Phật,
Đến vô biên hữu tình,
Làm cho họ mãn nguyện!

(34) Đối với Phật tử này,
Nếu ai sinh ác tâm,
Phật nói: "Mỗi niệm ác,
Đọa địa ngục một kiếp!"

(35) Người nào sinh kính tâm,
Được quả lành vô lượng!
Bồ Tát gặp hoạn nạn,
Tăng phước, không phạm lỗi.

(36) Nay con xin kính lạy,
Kẻ phát tâm Bồ Đề,
Cùng qui y những bậc,
Ban kẻ thù an lạc.



Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Sám Hối Tội Chương



Xin kính dâng chư Phật
Hoa trời, sen tinh khiết,
Ngan ngát dịu màu tươi,
Cùng những vòng hoa đẹp.

Phẩm hai:
Sám hối tội chướng

(1) Mong giữ tâm Bồ Đề,
Con nay cúng Như Lai,
Pháp vi diệu không nhiễm,
Phật tử biến công đức.

(2) Hoa tươi quả thơm ngọt,
Cùng những món thuốc hay,
Vật trân báu thế gian,
Nước trong làm tâm mát,

(3) Núi trăn bảo vút cao,
Rừng đẹp màu yên tĩnh,
Cây trời, hoa kỳ diệu
Cành trĩu đầy quả ngon,

(4) Hương trời diệu thế gian
Những hàng cây Như ý,
Lúa bắp mọc tự nhiên,
Cùng bao nhiêu bảo ngọc,

(5) Hồ sen đầy những hoa,

Tiếng thiên nga ngâm vọng;
Lồng lộng tit chân trời,
Bao nhiêu vật vô chủ.

(6) Những vật từ tâm tưởng,
Kính dâng Phật, Bồ Tát,
Cầu xin Thắng Phước Điền,
Thương con mà thọ nhận!

(7) Con bần cùng bạc phước,
Không còn vật nào hơn,
Xin Đức Phật từ bi,
Thương con mà nhận lấy!

(8) Nguyên đem thân tâm này,
Cúng Phật, chư Bồ Tát,
Cầu khẩn thương xót cho,
Con xin làm nô bộc!

(9) Được các ngài nhiếp thọ,
Nguyên: không sợ, làm lành,
Bỏ ác, tịnh thân tâm,
Đoạn trừ chư ác nghiệp!

(10) Phòng đẹp huân mùi hương,
Sàn pha lê óng ánh,
Cột báu ngọc sáng ngời,

Màn trần châu rực rỡ.

(11) Bình tắm nạm ngọc quý
Chứa đầy nước mát thơm,
Xin tắm Phật, Bồ Tát,
Uéo von hòa tiếng nhạc.

(12) Xin được lau thân ngài,
Bằng khăn thơm mềm dịu,
Sau đó nguyện dâng lên,
Áo đẹp màu tươi mát.

(13) Xin đem gấm lụa trời,
Cùng bao nhiêu vật quý,
Trang nghiêm đức Phổ Hiền,
Văn Thù, Quán Thế Âm.

(14) Nguyện đem nước hương trời
Uớp lên thân chư Phật,
Sáng đẹp màu hoàng kim,
Mùi thơm lòng ba cõi.

(15) Xin kính dâng chư Phật,
Hoa trời, sen tinh khiết,
Ngan ngát dịu màu tươi,
Cùng những vòng hoa đẹp.

(16) Lại xin hiến mây trời,
Hương thơm dâng ngào ngọt;
Lại cúng dường thức ngon,
Mùi vị hơn thiên đường.

(17) Xin cúng đèn trên bảo,
Đặt trên đóa sen vàng,
Và trên sân thơm ngát,
Xin rải đẹp lòng hoa.

(18) Xin dâng đấng Từ Bi
Đài các tấu nhạc trời,
Lầu cao xom màu ngọc,
Rộng lớn như trời mây.

(19) Lại xin cúng chư Phật
Lọng ngọc cán nạm vàng,
Vành lọng thêu trên bảo,
Nhau sắc màu nghiêm trang.

(20) Con nguyện đem nhạc trời,
Tiếng đẹp lòng êm dịu,
Như mây tan niềm khổ,
Hiến dâng người trần ai.

(21) Xin nguyện hoa trên ngọc,
Ấm áp như mưa trời,

Rải khắp cúng dường Pháp,
Chùa, tháp, cùng Phật tượng.

(22) Xin như đức Văn Thù
Khi xưa cúng dường Phật,
Con nay nguyện như vậy,
Cúng dường Phật Pháp Tăng.

(23) Xin đem hải triều âm,
Tán ca Phật công đức;
Nguyện mây trời âm nhạc,
Giăng mắc Cửa Từ Bi.

(24) Hoá thân như vi trần,
Gập mình con cúi lạy,
Chư Phật trong ba đời,
Chánh Pháp, Hiền thánh tăng.

(25) Cúi lạy tháp chư Phật,
Gốc cửa tâm Bồ Đề,
Lạy bậc chân tu hành,
Sư trưởng cùng ân nhân.

(26) Từ nay đến thành Phật,
Xin qui y chư Phật,
Cùng qui y Chánh Pháp,
Bồ Tát, chư Thánh chúng.

(27) Trước chư Phật, Bồ tát,
Chân chứa tâm Bồ Đề,
Từ Bi, khắp mười phương,
Chấp tay con thế nguyện:

(28) Từ luân hồi đến nay,
Đời này hoặc đời trước,
Ùi u mê làm ác,
Hoặc khuyến người làm ác,

(29) Hoặc ngu si dẫn dắt,
Thấy việc ác mà vui,
Nay đã rõ tội mình,
Trước Phật xin sám hối!

(30) Do vô minh thúc đẩy,
Ba nghiệp gây thương tổn,
Đến người thân, Tam Bảo,
Sư trưởng và chúng sinh.

(31) Do xưa gây nghiệp ác,
Nay thành người lỗi lầm,
Tội lỗi khó thứ tha,
Trước Phật cầu sám hối!

(32) Con có thể mệnh chung,

Trước khi sám sạch tội;
Làm sao thoát tội này?
Xin Phật hãy cứu con!

(33) Từ thân thật khó tin,
Không đợi tội còn, kết,
Dù bệnh hay không bệnh,
Khó ỷ lại tuổi trời.

(34) Xưa con không biết rằng
Chết là buông tất cả,
Bởi thế vì thân thù,
Gây tạo nhiều ác nghiệp.

(35) Kẻ thù thành hư vô,
Người thân cũng không còn,
Thân con rồi sẽ chết,
Tất cả đều là không!

(36) Cuộc đời là huyễn mộng,
Không luận sự việc gì,
Gặp xong thành hoại niệm,
Qua rồi không trở lại.

(37) Vô lại, trong đời này,
Thân thù đều biệt ly,
Chỉ còn lại ác báo

Đừng chờ dẫn con đi!

**(38) Con vì không hiểu rõ
Chết đến mau như vậy,
Khen theo tham sân si,
Tạo tác nhiều ác nghiệp.**

**(39) Ngày tháng không chờ mong,
Tuổi xanh như bụi hồng,
Thời gian thân tâm lui,
Đời rồi sẽ là không!**

**(40) Trên giường trước khi đi,
Họ hàng tuy gần kề,
Lâm chung bao thống khổ,
Oằn oại, nào ai hay?**

**(41) Tử thần đã đến bên,
Thân bằng nào ích gì?
Chỉ có phước mới cứu,
Mà con nào chịu tu?**

**(42) Phóng dật con nào hay,
Chết đáng sợ như vậy!
Khen vì thân tạm bợ,
Tạo những ác nghiệp này.**

(43) Như kẻ ra pháp trường,
Phạm tội lòng kinh sợ,
Miệng khô đôi mắt lờm,
Dáng dấp đầy khổ đau.

(44) Hướng chi bị thân chết,
Khủng bố, đến dần đi,
Niềm đau nào ai biết?
Tức tử trong sâu bi!

(45) Ai là kẻ cứu con,
Ra khỏi khổ đèm trường?
Lòng đau, con ngưỡng vọng,
Bốn phương tìm tình thương.

(46) Mà ai nào có hay!
Thất vọng con ưu hoài,
Nếu không người cứu độ,
Mệnh mang trong trần ai!

(47) Lay Phật đáng cứu thế,
Từ bi hộ chúng sinh,
Trừ diệt niềm sợ hãi,
Con xin qui y ngài!

(48) Lại qui y Chánh Pháp
Mà Phật đã chứng đắc;

Trừ diệt khổ luân hồi,
Xin qui y Bồ Tát.

(49) Run rẩy lòng lo sợ,
Đem thân thờ Phổ Hiền;
Lại xin đem thân này,
Cúng dường Văn Thù Tôn.

(50) Nước nở mắt lệ nhòa,
Giập đầu con cúi lạy,
Đức Quán Âm từ bi,
Xin thương người ngu muội!

(51) Ngưỡng cầu Hư Không Tạng,
Cùng đức Địa Tạng Vương,
Tất cả chư Bồ Tát,
Thương xót cứu hộ con!

(52) Kính lạy Kim Cương Trì,
Chúng ma lòng sân độc,
Chỉ nhìn thấy thân ngài,
Kính sợ chạy tít tán.

(53) Xưa không tuân lời dạy,
Đời này lòng sợ hãi,
Nguyện nhờ qui y này,
Đẹp tan lòng quái ngại!

(54) Uì lo cơn bệnh thường,
Còn tuân lời thầy thuốc,
Hướng chi bệnh tham sâu,
Vô thì thường trối bước?

(55) Một bệnh sâu có thể,
Giết kết Diêm Phù Đề;
Nhưng thuốc trị bệnh này,
Khắp chốn tìm không thấy,

(56) Mà nay bậc Y Vương,
Có phương thuốc trị khổ,
Thấy được mà không tin,
Thật là kẻ đáng trách!

(57) Gặp một nguy hiểm nhỏ,
Còn cẩn thận phòng hộ,
Hướng chi trong sinh tử,
Vô lượng kiếp hiểm nạn?

(58) Phi lý nếu nghĩ mình
Không chết, rồi buông lung,
Thần chết ắt sẽ đến,
Đời này sẽ cáo chung!

(59) Ai ban sự không sợ?

Làm sao thoát được khổ?
Nếu như sẽ phải chết,
Hay sao còn phóng dật?

(60) Giờ đây chẳng còn chi,
Trừ nỗi niềm dĩ vãng,
Bởi vì nhiều tham luyến,
Thường trái lời Phật dạy.

(61) Rồi sẽ bỏ thân này,
Cùng bạn bè thân thích,
Một mình không định xứ;
Nhọc chi kết thân thù?

(62) Làm sao mà thoát khỏi
Sự ác gây khổ đau?
Vì thế con quyết tâm,
Ngày đêm nghĩ trừ khổ!

(63) Con vì nhiều vô minh,
Phạm giới do Phật chế,
Hoặc phạm vào tính tội,
Cùng bao nhiêu tội khác.

(64) Trước Phật con chấp tay,
Tâm đau, lòng sợ hãi,
Giập đầu con cúi lạy,

Sám hối bao lỗi lầm!

**(65) Cầu xin Phật tha thứ,
Tội ác tạo khi xưa!
Đã biết mình không lành,
Xin nguyện không tái phạm!**



Thọ Trì Tâm Bồ Đề



*Giống như một kẻ mù,
Trong rác được ngọc quý,
Con thực là diêm phúc,
Phát tâm Bồ Đề này!*

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm ba:
Thọ trì tâm Bồ Đề

(1) Con hân hoan tùy hỉ,
Sự lành diệt tội khổ,
Đem đến cho hữu tình,
Phước báo cùng an lạc.

(2) Tùy hỉ tu Tam học,
Là nhân chứng Bồ Đề,
Tùy hỉ chư hữu tình,
Được thoát luân hồi khổ.

(3) Tùy hỉ Phật Bồ Đề,
Cùng quả vị Bồ Tát;
Tùy hỉ sự phát tâm,
Phước thiện như biển lớn,
Cùng những hạnh lợi ích,
Đem hữu tình an lạc.

(4) Trước chư Phật mười phương,
Chấp tay lòng khẩn thiết,
Thỉnh Ngài chiếu đèn Pháp,
Độ chúng sinh ngu khổ!

(5) Biết Phật muốn nhập diệt,
Liền chấp tay khẩn cầu,
Xin trụ vô lượng kiếp,
Đừng bỏ thế gian mê!

(6) Từ những việc thiện này,
Tích tập được phước đức,
Nguyện hồi hướng hữu tình,
Tiêu diệt tất cả khổ.

(7) Xin nguyện làm y sư,
Thuốc men, người săn sóc,
Trị liệu chư hữu tình,
Đến khi hết bệnh khổ.

(8) Nguyện trời mưa thức ăn,
Giải trừ bệnh đói khát,
Trong những kiếp tai nạn,
Nguyện thành cơm no lòng.

(9) Xin nguyện làm kho báu,
Cứu vớt kẻ bần cùng;
Nguyện thành vật cần thiết,
Hiện đến trên tay họ.

(10) Vì muốn lợi hữu tình,
Nguyện cho không sên tiếc:

Thân, tiền và vật dụng,
Nhưng việc lành ba đời.

(11) Xả kết át thoát khổ,
Tâm con thành Niết Bàn;
Kếu đời chết mới buông,
Chi bằng cho bây giờ!

(12) Con đã đem thân này,
Hoan hỉ thí hữu tình,
Tùy ý họ vui lòng:
Đánh, giết, hoặc mắng chửi,

(13) Đem thân làm trò vui,
Lãng nhục, hoặc cười nhạo;
Thân con đã bố thí,
Nào còn luyến tiếc gì!

(14) Tất cả việc lợi ích,
Xin tận lực thực hành;
Nguyện kẻ thấy thân con,
Đều được nhiều lợi lạc!

(15) Những người trông thấy con,
Sinh lòng tin hoặc ghét,
Nguyện cho họ thường được,
Thành tựu nhiều phước lợi!

(16) Nguyên kẻ hủy báng con,
Cùng kẻ làm tổn hại,
Thậm chí làm nhục con,
Đều tăng duyên Bồ Đề!

(17) Bảo hộ người cô độc,
Dẫn dắt kẻ lữ hành;
Nguyên vì người qua bến
Làm cầu, bè, thuyền, đò!

(18) Những ai cần ốc đảo,
Con nguyện thành ốc đảo,
Cần đèn, hóa ra đèn,
Cần giường, xin làm giường,
Những ai cần nô bộc,
Xin nguyện làm nô bộc!

(19) Nguyên làm bình như ý,
Bùa chú và thuốc linh,
Xin làm cây Mãn nguyện,
Làm bờ, dâng sữa lành.

(20) Con nguyện sẽ trở thành,
Hư không và trí đại,
Làm tăng trưởng cuộc sống,
Cho vô lượng hữu tình!

(21) Lại nguyện làm nguồn sống,
Cho tất cả hữu tình,
Đầy đầy khắp hư không,
Đến ngày họ thành Phật!

(22) Như quá khứ chư Phật
Từng phát tâm Bồ Đề,
Đã tuân tự tu tập,
Những hạnh nguyện Bồ Tát.

(23) Vì muốn lợi chúng sinh,
Con phát tâm Bồ Đề,
Xin tuân tự tu học,
Tất cả chư hạnh nguyện.

(24) Người trí siêng giữ gìn,
Tâm Bồ Đề thanh tịnh;
Nếu muốn cầu tăng tiến,
Nên ca ngợi phát tâm!

(25) Con nay được phước lớn,
May mắn được thân người,
Lại sinh trong nhà Phật,
Làm con đức Như Lai!

(26) Từ đây con phải làm,

Xán lạn gia tộc Phật!
Không được làm ô nhiễm
Đồng đời tôn quý này.

(27) Giống như một kẻ mù,
Trong rác được ngọc quý,
Con thực là điểm phúc,
Phát tâm Bồ Đề này!

(28) Tâm Bồ Đề tôn quý,
Là cam lộ bất tử,
Núi báu trừ bần cùng,
Thuốc trị tất cả bệnh,

(29) Là trạm nghỉ ngơi cho,
Kẻ lang bạc sinh tử,
Là cầu qua cõi khổ,
Đẫn người khỏi ác thú,

(30) Tâm này là ánh trăng,
Mát mẻ trừ nhiệt não;
Tâm này là mặt trời,
Sáng ngời dẹp ngu si!

(31) Là quây sữa Chánh pháp,
Sinh ra Diệu đề hồ.

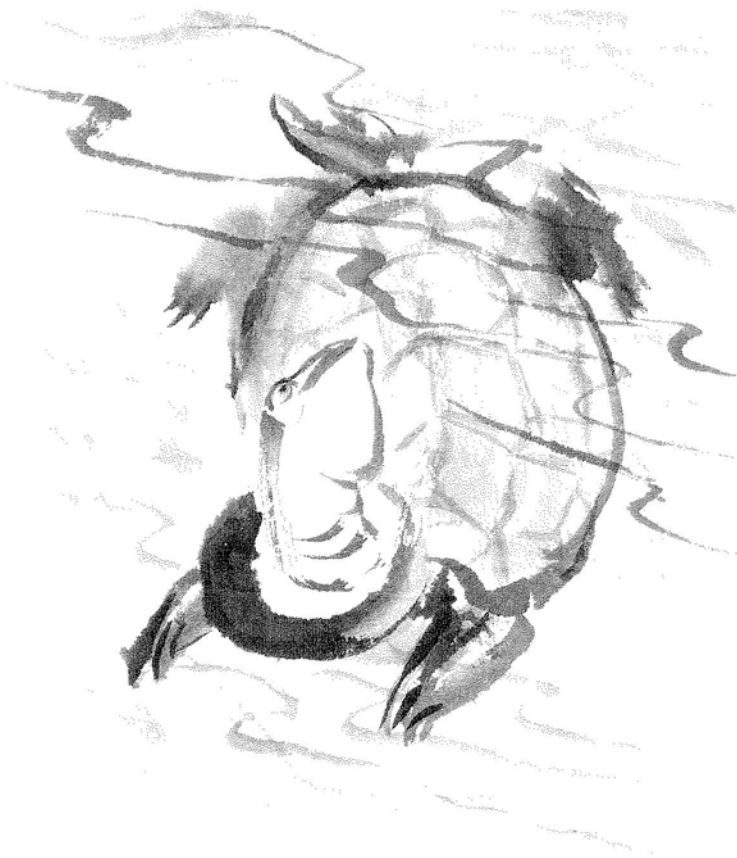
Phẩm ba: Thọ trì tâm Bồ Đề

(32) Những kẻ đang lang bạc
Muốn hưởng sự phúc lạc,
Tâm này sẽ đem đến
Tất cả niềm an lạc!

(33) Nay trước Phật Thế Tôn,
Dọn tiệc mời khách quý,
Nguyện các ngài hoan hỷ,
Hưởng món ngon thành Phật!



Không Phóng Dật



Thân người khó gặp được,
Như rùa mù dưới biển,
Trời lên trên mặt nước,
Đầu nhập bọng cây trôi.

Phẩm bốn:

Không phóng dật

(1) Phạt tử đã phát tâm,
Phải kiên cố giữ gìn,
Siêng năng đừng biếng nhác,
Đừng vi phạm giới luật.

(2) Nếu như chưa ngĩ kĩ,
Bớt đồng chẳng đần đo,
Tuy đã lập thế nguyện,
Cũng nên suy xét lại.

(3) Làm sao mà xả được,
Những điều Phạt, Bồ Tát,
Dùng trí tuệ quán sát,
Mình cũng từng suy ngẫm.

(4) Đã nguyện độ chúng sinh,
Mà không siêng tu hành,
Tức là khinh hữu tình,
Đời sau sẽ về đâu?

(5) Nếu phát tâm Bồ thí,
Dù là ít vật quèn,

Lại sên tiếc không cho,
Kính nói đọa ngã qui !

(6) Hướng mời chúng sinh đến,
Buổi tiệc Vô Thượng Lạc,
Sau đó lừa chúng sinh,
Khó mà sinh cõi lành!

(7) Có người bỏ tâm này,
Tu đức quả Tiểu thừa,
Nghĩ họ khó nghĩ bàn,
Chỉ có Phật mới biết.

(8) Trong Bồ Tát giới đọa,
Tội xả tâm nặng nhất!
Vì xả tâm Bồ Đề,
Mất hữu tình lợi lạc.

(9) Dù chỉ trong phút giây,
Chướng ngại hạnh Bồ Tát,
Vì tổn hữu tình lợi,
Quả ác thú vô biên!

(10) Hoại niềm vui một người,
Tự thân còn bị tổn,
Hướng hủy sự an lạc,
Của tất cả chúng sinh!

(11) Nếu như không quả quyết,
Phát tâm, lại tạo ác,
Lên xuống cõi luân hồi,
Khó mà chúng đọa quả!

(12) Nay y lời thế nguyện,
Phải cung kính thực hành,
Nếu mà không nỗ lực,
Nhất định sẽ trầm luân!

(13) Vì lợi ích hữu tình,
Bao nhiêu Phật xuất thế,
Mà con vì tội lỗi,
Với Phật thành vô duyên!

(14) Nếu không chịu cái ác,
Như vậy sẽ thăng trầm,
Trong nẻo ác nhận chịu,
Sự khổ: bệnh, trời, đâm.

(15) Ngày nào mới gặp lại,
Chư Phật hiện thế gian,
Làm người tin Chánh Pháp,
Và biết tu điều lành!

(16) Dù ngày nay không bệnh,

No cơm cùng vui sướng,
Cuộc đời là vô thường,
Thân này như vật mượn!

(17) Nếu cứ làm việc ác,
Khó được sinh làm người;
Nếu không được thân người,
Làm sao biết tu thiện?

(18) Được nhân duyên tu thiện
Mà không chịu gắng tu,
Một mai đọa đường ác,
Khi đó sẽ làm sao?

(19) Đã không biết tu thiện,
Lại còn gây ác hành,
Trải qua một劫 kiếp,
Không nghe tên cõi lành.

(20) Thân người khó gặp được,
Như rùa mù dưới biển,
Trôi lên trên mặt nước,
Đầu nhập bọng cây trôi.

(21) Sát na tạo tội nặng,
Nhiều kiếp đọa Vô gián;
Hướng chi từ vô tử,

Trồng hạt giống đọa lạc?

(22) Chỉ thọ ác báo đó,
Vẫn chưa thoát được khổ,
Vì lúc thọ quả báo,
Lại tạo thêm ác nghiệp!

(23) Nay đã được thân người,
Nếu không chịu tu thiện,
Tự khinh không gì hơn!
Ngu si không ai bằng!

(24) Nay đã rõ điều này,
Nếu vì ngu mà khác,
Khi thân này mất đi,
Chắc sẽ nhiều thống khổ.

(25) Khi mà lửa địa ngục,
Lâu dài đốt thân này,
Lửa hối hận bùng cháy,
Lòng con càng khổ đau.

(26) Tắm thân lợi ích này,
Khó được nay đã được,
Lại thêm đủ trí tuệ;
Nếu lại đọa địa ngục,

(27) Chắc là bị búa chui,
Làm tâm con mê hoặc?
Ai làm con thác loạn?
Quái nào trong tâm này?

(28) Tham sân si không có,
Tay chân, đứng, trí tuệ,
Sao có thể sai khiến,
Con như người nô lệ?

(29) Phiền não trong tâm này,
Tùy tiện tổn hại ta,
Nếu không trừ diệt nó,
Quả thực là đáng trách!

(30) Dù Trời, A tu la,
Cùng đến uy hiếp ta,
Nhưng họ cũng không thể,
Ném ta vào Vô gián.

(31) Giặc phiền não hung tợn,
Ném ta vào ngục lửa,
Tu Di gặp lửa này,
Cháy tan không còn thừa!

(32) Kẻ thù trên thế gian,
Tuổi trời chỉ hữu hạn,

Giặc phiền não trong tâm,
Sống lâu không kỳ hạn.

(33) Nếu chiều lòng kẻ địch
Họ có thể lợi mình,
Còn tùy thuận phiền não
Chỉ gặp thương tổn khổ!

(34) Kẻ địch từ vô thủy,
Ẩn nấp trong tâm này,
Chỉ tìm cách hại ta,
Sao không sợ sinh tử?

(35) Lũ cai tù sinh tử,
Cùng bọn quỷ địa ngục,
Nếu còn trong tâm này,
Ta làm sao an lạc?

(36) Nếu mà chưa giết được,
Kẻ địch phiền não này,
Trong suốt cả cuộc đời,
Thệ nguyện sẽ tinh tiến!
Bị người hơi xúc phạm,
Còn sinh lòng buồn giận,
Chưa giết sạch vô minh,
Người trí không ngủ yên.

(37) Chiến sĩ trên chiến trường,
Gắng sức diệt kẻ địch,
Dù biết rằng đời thử,
Sẽ chết vì già bệnh;
Tuy vậy vẫn không màng,
Gươm giáo đâm thân khổ,
Chưa đạt đến mục đích,
Cương quyết không trốn chạy!

(38) Hướng chi người tinh tiến,
Quyết chí muốn dẹp tan,
Kẻ địch phiền não này,
Nguồn gốc của sự khổ;
Cho nên dù gặp phải,
Trăm vạn sự khổ đau,
Thề quyết chẳng bao giờ,
Nhứt chí sinh biếng nhác!

(39) Tráng sĩ vì chút lợi,
Đánh trận bị thọ thương,
Trở về khoe vết theo,
Như được thưởng huân chương;
Ta nay vì lợi lớn,
Tu hành cố siêng năng,
Tạm thời gặp chút khổ,
Có gì là đau thương?

(40) Ngươi phải cùng đồ tể,
Không phu, lũ phạm tục,
Chỉ biết lo thân mình,
Cần cù kẻ sinh nhai,
Còn nhẫn chịu nóng, lạnh,
Sự nhọc nhằn gian khổ;
Ta vì chúng sinh vui,
Sao lại không nhẫn nhục?

(41) Tuy từng lập thế nguyện,
Độ chúng sinh thoát khổ;
Thế nhưng chính thân này,
Vẫn chưa đoạn phiền não;

(42) Lời nguyện không lượng sức,
Phải chăng là cuồng ngạo?
Vậy phải diệt phiền não,
Vĩnh viễn không lùi bước!

(43) Nay phải nên quán sát,
Phiền não như kẻ thù!
Phải ôm tâm hận này,
Mới mong diệt phiền não.

(44) Chẳng thà bị đốt chết,
Hoặc chịu khổ chặt đầu,
Tâm quyết không khuất phục,

Tùy thuận qui phiền não!

(45) Kẻ địch bị đánh đuổi,
Ẩn núp nơi đất người,
Chờ mạnh quay trở lại;
Phiền não không phải thế.

(46) Nếu bị tuệ nhân giết
Còn ẩn núp nơi nào?
Làm sao quay trở lại?
Chỉ vì mình biếng nhác!

(47) Phiền não không ở ngoài,
Ở trong, hoặc nơi khác,
Làm sao hại chúng sinh?
Phiền não như huyễn ảo,
Tâm đừng nên sợ hãi!
Người trí cần siêng năng,
Ngu gì ở địa ngục
Chịu thống khổ vô ích!

(48) Nghĩ xong nên tận lực,
Viên mãn chớ giới hành,
Nếu không nghe thầy thuốc
Bệnh tật làm sao lành?

Hộ Trì Chánh Tri



Tận lực quán sát kỹ,
Cái tâm buông lung này,
Đã cột vào chánh niệm,
Có còn đó hay không?

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm năm:

Hộ trì chánh tri

(1) Người muốn giữ giới luật,
Phải giữ vững tâm mình!
Nếu không giữ tâm này,
Không thể giữ giới luật.

(2) Nếu để tâm buông lung,
Sẽ đọa ngục Vô gián!
Trên đời, lũ voi điên,
Cũng không hại đến thế.

(3) Nếu dùng dây chánh niệm
Trói chặt tâm buông lung,
Sợ hãi đều tiêu trừ,
Phước thiện ắt sẽ đến!

(4) Cọp, sư tử, gấu, voi,
Rắn rít, kẻ địch thù,
Cùng bọn quỷ địa ngục,
Ác thần, loài la sát,

(5) Chỉ cần buộc tâm này,
Là nhiếp phục bọn chúng!

Điều phục được tâm này,
Tất cả đều vâng lệnh!

(6) Đức Phật từng dạy rằng:
Tất cả sự sợ hãi,
Vô lượng sự thống khổ,
Đều do tâm này sinh!

(7) Ai là kẻ tạo ra,
Địa ngục những binh khí?
Ai làm sào ngục lửa?
Yêu nữ từ đâu ra?

(8) Phật nói những việc này,
Đều do tâm ác tạo;
Vì thế trong ba cõi,
Không gì ác hơn tâm!

(9) Nếu diệt hết bần cùng,
Mới thành Bồ thí độ;
Nay vẫn còn kẻ nghèo,
Phật làm sao thành đạo?

(10) Nếu tâm wa bố thí:
Thân, tài sản, phước đức,
Do đây tròn thí độ;
Bố thí chỉ do tâm!

(11) Phóng sinh cá về đâu
Để chúng không bị hại?
Khi đoạn kết ác tâm,
Gọi là tròn Giới độ.

(12) Kẻ ác như hư không,
Làm sao giết được kết?
Nếu diệt tâm sân này,
Cũng đồng như giết địch.

(13) Làm sao đủ da bò
Lót đầy kết mặt đất?
Da cần đủ lót giày,
Đồng như lót đại địa.

(14) Như vậy không thể nào
Chế phục kết kẻ địch;
Chỉ cần điều phục tâm,
Lo gì kẻ kẻ khác!

(15) Sinh một niệm minh định,
Đủ sinh lên Phạm thiên;
Thân, khẩu tuy tu thiện,
Tâm yếu ớt khó thành!

(16) Tuy tụng niệm nhiều năm,

Lại tu chớ khổ hạnh,
Nếu tâm thường tán loạn,
Phật nói tu vô ích!

(17) Nếu không rõ tâm này,
Là tạng Pháp thâm sâu,
Cần vui hoặc tránh khổ,
Trôi dạt vô ý nghĩa.

(18) Nên khéo léo giữ vững,
Phòng hộ đạo tâm này,
Ngoài giới "giữ tâm" này,
Cần gì các giới khác!

(19) Trong đám đông hỗn loạn,
Cẩn thận che vết thương;
Thân giữa lũ người ác,
Phải che vết thương tâm!

(20) Nếu sợ vết thương đau,
Cần cẩn thận gìn giữ,
Hưởng sợ ngục Núi Ép,
Mà không giữ tâm này!

(21) Giữ gìn nếu được thế,
Dù trong lũ người ác,
Hay giữa vòng gái đẹp,

Giữ giới, không thoái chuyển!

**(22) Chẳng thà mất lợi dưỡng,
Danh dự, hoặc thân mệnh,
Hoặc thà mất phước thiện,
Quyết không hoại tâm này!**

**(23) Chắp tay xin khuyến thỉnh,
Người muốn giữ tâm mình,
Tận lực thường gìn giữ:
Chánh niệm và chánh tri!**

**(24) Giống như người bị bệnh,
Không có sức làm việc;
Nếu vô minh loạn tâm,
Không sức thành nghiệp lành.**

**(25) Người tâm không chánh tri,
Tu được vẫn, tu, tu,
Như nước trong bình nứt,
Khó trụ trong chánh niệm.**

**(26) Tín tâm, nhiều học vấn,
Lại thường siêng tu tập,
Chỉ vì không chánh tri,
Ồ nhiễm phạm tội đọa!**

(27) Kẻ tặc "bất chánh tri",
Theo sau "thất chánh niệm",
Trộm phước đức đã tu,
Làm cho đọa ác thú!

(28) Bọn giặc phiền não này,
Tìm cơ hội cướp giật,
Không những đoạt thiện tài,
Lấp nẻo về cõi thiện!

(29) Chớ nên để chánh niệm
Rời xa cửa tâm hồn,
Nếu rời, sợ đọa lạc,
Liền quay về chánh niệm!

(30) Nếu thường theo Thượng sư,
Uỷ sợ đọa, nghe Pháp,
Để làm cho hành giả,
An trụ trong chánh niệm.

(31) Chư Phật, chư Bồ Tát,
Thấy tất cả không ngại,
Những gì mình nói, làm,
Các ngài đều thấy rõ.

(32) Suy nghĩ như vậy xong,
Kính sợ, lòng tâm quý,

Duyên đây ít rất dễ
Ân cần thường niệm Phật.

(33) Do an trụ chánh niệm,
Chánh tri sẽ theo đến,
Những gì xưa đã mất,
May sẽ quay trở lại.

(34) Tâm ý vừa khởi lên,
Nếu biết có lỗi lầm,
Tức thời giữ chánh niệm,
Trấn định như cột trụ!

(35) Mắt quyết không nên nhìn,
Láo liên không mục đích,
Mà phải nên quyết chí
Nhìn thẳng, hơi hướng xuống.

(36) Để đôi mắt đỡ mệt,
Cũng nên nhìn chung quanh,
Nếu thấy có người đến,
Hoan hỉ mở lời chào.

(37) Đi đường, xem nguy hiểm,
Nên nhìn khắp bốn phương;
Ngừng lại, nên quay đầu,
Nhìn phía sau xem xét.

(38) Đã quán sát trước sau,
Đi tới, hoặc quay về;
Như thế, trong mọi thời,
Thận trọng trước khi làm!

(39) Muốn thân được an trụ,
Nên giữ vững uy nghi;
Thỉnh thoảng nên quán sát,
Thân trong tư thế nào!

(40) Tận lực quán sát kỹ,
Cái tâm buông lung này,
Đã cột vào chánh niệm,
Có còn đó hay không?

(41) Người tinh tiến tu định,
Sát na chớ buông lỏng,
Niệm niệm thường quán sát,
Tâm đang đi về đâu?

(42) Gặp hoạn nạn, vui mừng,
Nên trấn định tâm mình;
Kính nói lúc bố thí,
Có thể bỏ giới nhỏ.

(43) Nghĩ xong quyết thực hành,

Không nên nghĩ việc khác,
Tâm ý nên chuyên nhất,
Trước nên xong việc này!

(44) Như thế, việc đều thành,
Nếu không, việc khó thành;
Phiền não, bất chánh tri,
Nhân đây không tăng trưởng.

(45) Lẻo mép vô ý nghĩa,
Những cuộc chơi phóng dật,
Nếu gặp cảnh như vậy,
Quyết chí không tham luyến!

(46) Không duyên cớ: đào đất,
Nhổ cỏ, chặt cây cối,
Hoặc trên đất vẽ hình,
Nên nhớ lời Phật dạy,
Sợ tội, chớ nên làm!

(47) Nếu thân muốn di động,
Hoặc miệng muốn mở lời,
Trước nên quán tâm mình,
An nhiên làm đúng lý.

(48) Nếu tâm đang sinh tham,
Hoặc đang muốn sân hận,

Vên tạm ngừng hành động,
Trấn định như cột trụ!

(49) Lúc tâm trong trạng thái:
Tán loạn, hoặc khinh người,
Ngạo mạn và khoe khoang,
Hoặc muốn bực lỗi người,
Giả vờ hoặc lừa dối,

(50) Hoặc mong người khen ngợi,
Hoặc muốn hủy nhục người,
Lời thô, hoặc đâm thọc,
Vên giữ vững tâm mình,
Trấn định như cột trụ!

(51) Hoặc tham danh, lợi, kính,
Hoặc muốn sai khiến người,
Hoặc muốn người hầu hạ,
Trấn định như cột trụ!

(52) Khi mở miệng muốn nói,
Vì mưu lợi cho mình,
Hoặc mong người mất lợi,
Trấn định như cột trụ!

(53) Bôn chôn, lừa dối, khiếp sợ,
Vô sỉ, lời vô nghĩa,

Hoặc có ý thiên vi,
Trấn định như cột trụ!

(54) Nên quán tâm nhiệm ô,
Ham làm việc vô nghĩa,
Biết rồi liền đổi trí,
Kiên quyết giữ chánh niệm!

(55) Tin sâu, lòng kiên quyết,
Ổn định, kính, nhã nhặn,
Hổ thẹn, sợ nhân quả,
Tịch tĩnh, thường đem vui.

(56) Đối kẻ ngu, ấu trĩ,
Tâm chó nên oán ghét,
Biết họ nhiều vô minh,
Nghe vậy sinh lòng từ!

(57) Vì mình và hữu tình,
Làm lợi không phạm tội,
Thường quán pháp hữu vi,
Tất cả đều như huyễn.

(58) Nên suy nghĩ đản đo,
Thân người rất khó được;
Vậy nên giữ tâm này,
Không động như Tu Di!

(59) Tâm! Nếu tham thân này,
Sao mi lại không màng,
Lúc chết bị điều kâu,
Tranh giành và cắn xé?

(60) Mi đổi tám thân này,
Sao chấp mê như vậy!
Nó và mi khác biệt,
Mi cần chi thân này?

(61) Đồ ngu, sao không nhận,
Thân cây sạch làm thân?
Khổ chi mà giữ gìn,
Bọc đồ dơ hôi thối!

(62) Trước nên dùng ý quán,
Bóc da rời khỏi thịt,
Kế dùng kiếm trí tuệ,
Cắt thịt rời khỏi xương.

(63) Lại chẻ những lóng xương,
Nhìn kỹ cho đến tủy;
Phải suy ngẫm như vậy:
Chỗ nào là tinh diệu?

(64) Gắng sức tìm như vậy,

Vẫn không thấy tinh diệu,
Tại sao còn tham luyến,
Yêu giữ thân đờ này?

(65) Chết hẳn không thể ăn,
Máu tanh không thể uống,
Lòng ruột không nít được,
Còn cần chi thân này?

(66) Hoặc là tham thân này,
Để cho sói, diều ăn?
Kỳ thực, giữ thân này,
Chỉ vì muốn tu thiện!

(67) Dù có tham tiếc thân,
Tử thân không vì tình,
Đoạt xong, cho sói, diều,
Lúc đó sẽ làm sao?

(68) Đây tớ không làm việc,
Chỉ nhân không trả tiền;
Dù nuôi, thân vẫn chết,
Nhọc nhằn để làm chi?

(69) Đã trả lương cho nó,
Bắt nó làm lợi mình;
Nếu thân này vô ích,

Quyết không cho gì cả!

(70) Cõi thân như thuyền đồ,
Làm phương tiện tới lui,
Để làm lợi hữu tình,
Tu thành thân Như ý.

(71) Làm chủ thân tâm mình,
Dung nhan thường vui vẻ,
Không nhăn nhó, hăm hừ,
Làm bạn lành chúng sinh!

(72) Dời đồ đừng sơ suất,
Gây tiếng động ồn ào,
Mở cửa đừng thô bạo,
Nhã nhặn làm người vui.

(73) Như hạc, mèo, kẻ trộm,
Vì muốn được thành công,
Nhẹ nhàng không tiếng động;
Bồ Tát muốn lợi người,
Cũng nên làm như thế.

(74) Nên khéo khuyên nhắc người;
Đối với lời hay, đẹp,
Nên cung kính tuân hành,
Làm học trò chúng sanh.

(75) Khi nghe lời cao nhã,
Nên khen là "khéo nói";
Thấy người làm điều lành,
Tâm vui mừng ca ngợi.

(76) Thường khen công đức người,
Nhưng khi người khen mình,
Nên tự quán đức hạnh,
Xem thực, hay không thực.

(77) Mọi việc làm của người
Là niềm vui khó mua,
Khi thấy công đức người,
Nên sinh lòng tùy hỷ.

(78) Làm khổ, nay không tổn,
Đời sau được nhiều vui;
Nếu ganh ghét sẽ khổ,
Đời sau càng khổ hơn!

(79) Nói ra nên hợp ý,
Nghĩa rõ, lời thích nghi,
Lòng vui, không tham giận,
Khả nhận, tâm từ bi.

(80) Mỗi khi thấy hữu tình,

Mắt vui, lòng rộng rãi,
Vì họ mình mới được,
Thành Phật đường không xa.

(81) Nhiệt thành thường tu thiện,
Siêng đối trị phiền não,
Thí bi, ân, phước điền,
Thành tựu đại phước thiện.

(82) Đủ trí tuệ, tin tâm,
Khen thường siêng tu tập;
Những điều thiện nên làm,
Chớ ý vào người khác!

(83) Tuân tự mà tu tập,
Lục độ như bố thí, ...;
Đừng chấp nhỏ bỏ lớn,
Việc lớn nghĩ lợi người.

(84) Đã hiểu rõ đạo lý,
Khen siêng làm lợi người;
Với bậc Đại Bồ Tát,
Phật cho khai tiểu giới.

(85) Khi ăn, thí ngựa quý,
Kẻ khổ, ban đồng tu,
Phần mình chỉ vừa đủ,

Chỉ cần giữ ba y,
Ngoài ra đều xả kết.

(86) Chớ vì việc thiện nhỏ,
Mà kỷ hoại thân này!
Vì chúng sinh tu hành,
Sẽ chóng được viên mãn.

(87) Bi nguyện chưa thanh tịnh,
Chưa nên thí thân này,
Đời này hoặc đời sau,
Vì lợi lớn mới xả!

(88) Đối với kẻ bất kính:
Không bịnh mà trùm đầu,
Cổ quàng khăn, cầm lọng,
Cầm đao, bính khí, gậy,
Chớ thuyết pháp cho họ.

(89) Người nữ đến một mình,
Cũng không nên thuyết pháp;
Đối người thiếu trí tuệ,
Chớ nói pháp thâm sâu;
Đối với Đại, Tiểu thừa,
Đồng kính mà tu học

(90) Với người căn cơ cao,

Chớ nói pháp nông cạn;
Đừng nên bỏ giới luật,
Bữa chửi lừa chúng sinh.

(91) Xía răng, hoặc khạc nhổ,
Nên đi tìm chỗ khuất;
Không nên đại, tiểu tiện,
Nơi đất sạch, nước trong.

(92) Ăn chớ ngậm đầy miệng,
Lớn tiếng, miệng há to,
Lúc ngồi đừng duỗi chân,
Xoa tay đáng bởi rồi.

(93) Xe, giường, chỗ vắng vẻ,
Chớ nên hẹn vợ người;
Việc gì thiên hạ nghi,
Chớ để người đàm tiếu.

(94) Khi bày tỏ ý mình,
Đừng dùng một ngón tay,
Đối người phải lễ phép,
Nên đưa bàn tay phải.

(95) Tỏ ý chớ vung tay,
Cử động nên từ từ,
Khảy ngón tay nhẹ tiếng,

Cẩn thận giữ uy nghi.

**(96) Ngủ, chọn hướng thích nghi,
Nằm như Phật Niết Bàn,
Chánh niệm và quyết chí,
Tỉnh giấc nên dậy liền.**

**(97) Học xú của Bồ Tát,
Kính nói nhiều vô tận,
Nhưng phải tận lực mình,
Tu trì hạnh tịnh tâm!**

**(98) Mỗi ngày đêm sáu thời,
Đọc tụng kinh Tam Tụ,
Nương Phật, tâm Bồ Đề,
Sám hối trừ chúng tội.**

**(99) Vì mình, hay vì người,
Tùy thời, tùy hành môn,
Tất cả các học xú,
Đều phải siêng tu học.**

**(100) Không một pháp môn nào
Mà Phật tử không học,
Nếu khéo học như vậy,
Không phước nào không đến!**

(101) Trực tiếp, hay gián tiếp,
Việc làm đều lợi người,
Vì muốn lợi hữu tình,
Hồi hướng Đại Bồ Đề.

(102) Dù chết cũng không rời
Thiền tri thức tôn quý,
Bậc am hiểu Đại thừa,
Cùng gửi hạnh thanh tịnh.

(103) Nên kính trọng thầy học,
Giống như Cát Tường Sinh;
Còn những học xứ khác,
Xem kinh ít sẽ biết.

(104) Trong kinh, nhiều học xứ,
Phải tìm đọc kinh tạng,
Trước hết nên tìm đọc:
Kinh Thánh Hư Không Tạng.

(105) Cũng nên siêng tìm đọc:
Học Xứ Chúng Tập Yếu,
Quyển này chỉ rõ ràng,
Điều Phật tử cần tu.

(106) Hoặc đọc quyển tóm lược:
Nhất thiết Kinh Tập Yếu;

Đồng thời đọc Long Thọ,
Hai quyển tên giống đây.

(107) Chỗ kinh luật không cấm,
Tất cả đều tu học;
Vì hộ trì chúng sinh,
Học xong nên thực hành!

(108) Xin được tóm lược lại:
Muốn phòng hộ chánh tri,
Thường cần thân quán sát,
Tình trạng của thân tâm!

(109) Pháp, phải cung kính hành,
Chỉ nói không ích gì!
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?



An Nhãn



Uí như nhà bị cháy,
Lửa lan đến nhà người,
Đúng lý mau chặt, dọn,
Cỏ rơm, vật nhay lửa.

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm sáu:

An nhẫn

(1) Một niệm sâu hỷ diệt:
Ngàn kiếp từng tích tụ,
Bố thí, cúng dường Phật,
Tất cả chư phước thiện!

(2) Ác không gì hơn sâu,
Khó không gì hơn nhẫn,
Nên phải dùng đạo lý,
Nỗ lực tu an nhẫn!

(3) Nếu ôm sâu trong lòng,
Tâm ý không tích tình,
Sự vui cũng khó sinh,
Uất ức, không ngủ được.

(4) Tuy đem lợi, cung kính,
Cung cấp cho kẻ dưới,
Thế nhưng, nếu hay sâu,
Dễ bị họ giết hại!

(5) Sâu làm người thân ghét,

Dù cho, họ không giận!
Nếu tâm nhiều giận hờn,
An lạc khó trường cứu.

(6) Kẻ địch sân hận này,
Đem lại nhiều khổ nạn;
Người tinh tiến trừ sân,
Nay, sau hưởng an lạc!

(7) Bị ép sự không muốn,
Bị phá điều mong muốn,
Do sự bất mãn này,
Sân hận hại mình, người.

(8) Vậy phải nên phá kết,
Mầm mống của sân hận;
Bợn này không gì khác,
Chỉ tàn hại đời ta!

(9) Gặp việc gì cũng dừng,
Làm tâm mình rối loạn,
Ưu não chẳng ích gì,
Lại còn hại việc lành.

(10) Việc nếu còn cách cứu,
Tại sao không hoan hỉ?
Việc đã không cách cứu,

Sầu lo nào ích chi?

(11) Không muốn mình và bạn,
Chịu khổ, bị khinh miệt,
Hoặc nghe lời thô tục;
Thế nhưng đối kẻ thù,
Lại mong muốn ngược lại.

(12) Nguồn vui rất là ít,
Gốc khổ lại rất nhiều,
Không khổ, khó xuất ly,
Vì thế phải kiên nhẫn!

(13) Bọn dân Karnapa,
Vô cớ chịu đốt, cắt;
Người tu cầu giải thoát,
Tại sao lại khiếp sợ?

(14) Không có sự việc nào,
Tập lâu mà không quen,
Tập nhẫn những hại nhỏ,
Mới nhẫn được hại lớn!

(15) Bị muỗi mòng cắn đốt,
Hoặc bị khổ đói khát,
Cùng những bệnh mụn nhọt,
Chẳng lẽ chưa chịu quen?

(16) Đối với gió, nóng, lạnh,
Bệnh, trời, bị đánh đập,
Không nên quá nhu nhược,
Càng nhu nhược càng khổ!

(17) Có kẻ thấy máu mình,
Càng cương quyết dùng cảm;
Có kẻ thấy máu người,
Lại kinh hoàng chết giấc!

(18) Sự khác biệt là do,
Dùng cảm hay khiếp nhược;
Phải coi thường sự khổ,
Đừng để khổ chướng ngại!

(19) Người trí dù bị khổ,
Không loạn, tâm sáng suốt,
Chiến đấu với phiền não,
Dù gặp nhiều khổ đau.

(20) Phải coi thường sự khổ,
Hàng phục giấc tham sân;
Nếu trừ diệt vô minh,
Mới là chân đứng sĩ!
Còn những chiến sĩ khác,
Chỉ giết những thân chạy.

(21) Khổ hại giúp hành giả:
Xả ly, trừ kiêu mạn,
Ghét ác, wa việc lành,
Thương xót kẻ trầm luân.

(22) Bệnh tật và hữu tình,
Đều là do duyên sinh,
Sao không ghét bệnh tật,
Mà lại ghét hữu tình.

(23) Như người không muốn bệnh,
Mà bệnh lại tìm đến;
Cũng vậy, không muốn sầu,
Sầu ngàn ngút tràn dâng!

(24) Tâm không nghĩ đến sân,
Mà người tự nhiên sân;
Sân hận không nghĩ sinh,
Mà lại cứ tự sinh.

(25) Tất cả sự lỗi lầm,
Và tất cả tội ác,
Đều từ nhân duyên sinh,
Toàn không do chính mình!

(26) Tất cả nhân duyên này,

Không nghĩ sẽ sinh sân;
Sân nào đã phát sinh,
Không nghĩ là được sinh.

(27) Cái gọi là Vật chủ,
Cùng cái gọi là Ngã,
Vật, Ngã cũng không nghĩ,
Là sinh, mà được sinh.

(28) Không sinh nên không quả,
Muốn sinh cũng không sinh,
Ngã chấp trước sẽ sinh,
Vĩnh viễn không ngừng nghĩ.

(29) Nếu Ngã là thường trụ,
Bất động, tựa hư không,
Dù gặp nhân duyên khác,
Bản chất không biến đổi.

(30) Động rồi, như chưa động,
Động có tác dụng gì?
Nếu nói động là thế,
Ngã, động nào tương can?

(31) Như vậy, tất cả pháp,
Tùy duyên không tự chủ;
Hiểu rồi chớ nên sân

Mọi vật như huyền hóa!

(32) Kẻ nào trừ sâu nào?

Trừ sâu không đúng lý;
Sâu diệt, kết phiên nào,
Trừ sâu, không phi lý.

(33) Nếu thấy oán hay thân

Ưu có đến hại mình,
Nghĩ là do duyên sinh,
Ưu nhận như ăn mật!

(34) Không ai muốn chịu khổ,

Nếu khổ do tự chọn,
Thì tất cả hữu tình,
Đều sẽ không bị khổ.

(35) Do vì tâm điên đảo,

Dùng gai, dính tự tổn,
Hoặc vì giành đàn bà,
Tuyệt thực trong sần bì.

(36) Thắt cổ, nhảy xuống vực,

Uống thuốc, ăn đồ độc,
Làm những việc ngu si,
Thương tổn thân mạng mình.

(37) Kẻ tặc tiếc thân mạng,
Ùi ngu còn tặc sát!
Hưởng chi đời người khác,
Mà không gây thương tổn?

(38) Đối với kẻ hại mình,
Nên sinh lòng từ bi!
Dù không thể từ bi,
Cũng không nên sân hận.

(39) Nếu bần tính kẻ ngu,
Là tổn thương kẻ khác,
Giận họ thật vô lý!
Như ghét lửa bởi vì,
Tính nó là thiên đốt.

(40) Nếu người tính hiền lương,
Ngẫu nhiên mà phạm tội,
Giận họ cũng vô lý,
Như ghét khói bởi vì,
Tính nó che đen trời.

(41) Bị gây gộc tổn thương,
Không giận người cầm gậy,
Họ bị sân sai khiến,
Đúng lý nên ghét sân!

(42) Xưa kia mình đã gây,
Tổn hại đến hữu tình,
Nếu đã tổn hại họ,
Đúng lý nên chịu tổn!

(43) Gươm người và thân mình,
Cả hai là gốc khổ,
Gươm đâm, thân đón nhận,
Vậy sân với ai đây?

(44) Mùi quáng nên chấp trước,
Thân người đầy ở trước,
Dù rờ nhẹ cũng đau,
Giận ai nếu bị tổn?

(45) Người ngu không muốn khổ,
Mà tạo toàn nhân khổ,
Do lỗi mình hại mình,
Sao còn ghét kẻ khác?

(46) Uí như quỷ địa ngục,
Cùng với rừng đao kiếm,
Đều do nghiệp mình sinh,
Còn sân ai bây giờ?

(47) Do nghiệp xưa phát động,
Khiến người tổn hại mình,

Nhân đây họ bị đọa,
Phải chăng mình hại họ?

(48) Nhờ họ, mình tu nhân,
Tiêu diệt nhiều tội chướng,
Kẻ địch vì mình nhân,
Đọa ngục khổ lâu dài.

(49) Mình thọ khổ, tức là,
Kẻ địch làm lợi mình;
Này tâm, đề thơ bạo!
Sao lại sân hận họ?

(50) Nếu mình có công đức,
Chắc không đọa địa ngục!
Nếu mình tự gìn giữ,
Kẻ địch được lợi gì?

(51) Nếu đem oán báo oán,
Kẻ địch tăng thù hận,
Hạnh Bồ Tát mình tổn,
Sự nhân nhục cũng mất.

(52) Tâm vốn không hình thể,
Không ai tổn hoại được,
Vi tâm chấp thân này,
Nên gặp nhiều khổ nạn.

(53) Bị kẻ khác khinh miệt,
Nói lời thô, ác độc,
Không tổn hại đến thân,
Tâm! Sao mi lại sân?

(54) Nếu nói họ ghét mình,
Nhưng họ đời này, sau,
Không thể tổn hoại mình,
Sao lại ghét hửu báng?

(55) Nếu nói ghét kẻ địch,
Vì sợ mất lợi dưỡng,
Lợi này, chết sẽ mất,
Chỉ tội báo là còn!

(56) Chẳng thà chết hôm nay,
Quyết không sống tà mệnh!
Dù có được sống lâu,
Chết chỉ gặp thống khổ.

(57) Dù mộng vui trăm năm,
Kẻ mộng rồi phải tỉnh,
Hoặc mộng vui phút chốc,
Chung cuộc mộng vẫn tàn.

(58) Hai kẻ mộng tỉnh giấc,

Mộng vui không trở lại,
Cuộc sống tuy ngắn, dài,
Đến chết như mộng tỉnh!

(59) Dù được nhiều lợi dưỡng,
Hưởng an lạc lâu dài,
Lúc chết như bị cướp,
Ra đi bàn tay không!

(60) Nếu nói lợi nuôi thân,
Làm sạch tội, tu phước;
Nhưng vì lợi mà sân,
Phước kết, tội ác sinh.

(61) Nếu vì lợi mà sống,
Do sân, bị thoái đọa,
Lại chuyên làm tội ác,
Cuộc sống nghĩa lý gì?

(62) Báng làm người nghi mình,
Nên mình sân người báng,
Như vậy sao không sân,
Kẻ hỷ báng người khác?

(63) Nếu đó là việc người,
Bởi vậy mình kham nhẫn,
Như vậy sao không nhẫn,

Báng do phiền não sinh?

**(64) Đối với kẻ báng Pháp,
Phá hoại tháp, tượng Phật,
Mình cũng không nên sân,
Vì Phật không thọ hại.**

**(65) Đối kẻ hại sư trưởng,
Cùng thương tổn thân bằng,
Vì biết là duyên sinh,
Thế nên không sân hận.**

**(66) Vật vô tình, hữu tình,
Đều tổn hại chúng ta,
Sao chỉ sân hữu tình?
Thế nên phải an nhẫn!**

**(67) Kẻ vì ngu làm ác,
Người vì ngu nổi sân,
Trong đây kẻ nào lỗi?
Kẻ nào không có lỗi?**

**(68) Vì đâu xưa tạo nghiệp,
Ngày nay bị người hại,
Tất cả đều do nghiệp,
Sao lại sân hận người?**

(69) Đã hiểu rõ như thế,
Nên thương xót lẫn nhau,
Vì thế phải nhất tâm,
Tu hành chớ phước thiên!

(70) Vì như nhà bị cháy,
Lửa lan đến nhà người,
Đúng lý mau chặt, dọn,
Cỏ rơm, vật nhay lửa.

(71) Vì tâm tham cảnh giới,
Làm lửa sâu bùng cháy,
Sợ lửa đốt phước đức,
Phải mau trừ diệt tham!

(72) Như người chờ tử hình,
Chặt tay rồi, được tha;
Tu hành giải thoát, chiu,
Chút khổ, chẳng may à?

(73) Hiện tại chút ít khổ,
Mà còn không nhẫn được;
Sao không trừ sâu hận,
Gốc của khổ địa ngục?

(74) Vì dục, mà ngàn lần,
Đọa ngục chiu thiêu đốt,

Nhưng sự lợi mình, người,
Nay vẫn chưa thành tựu.

(75) An nhân, khổ không khiêu,
Lại thành tựu lợi lớn,
Vì chúng sinh trừ hại,
Vui sướng nhận khổ này!

(76) Người khởi tâm hoan hỷ,
Khen ngợi kẻ thù ta,
Tâm! Sao mi không khen,
Để lòng mình hoan hỷ?

(77) Sự hoan hỷ phát sanh,
Là vui, không phải tội,
Chư Phật đều cho phép,
Lại là pháp nhiếp người!

(78) Nếu người được vui, mà,
Mình không muốn người vui,
Thế đừng trả thù lao,
Nay, sau mất an lạc.

(79) Người khen công đức mình,
Mình muốn họ được vui,
Họ khen công đức người,
Có sao mình không vui?

(80) Xưa muốn hữu tình vui,
Vên phát tâm Bồ Đề,
Nay hữu tình được vui,
Vì sao lại sân hận?

(81) Xưa muốn cho hữu tình,
Thành Phật, thọ cúng dường,
Nay thấy người được lợi,
Sao lại sinh tật đố?

(82) Người thân, mình phải nuôi,
Bốn phần phải chăm sóc,
Nay thấy họ tự lập,
Không vui, lại sân hận?

(83) Không muốn người được lợi,
Há muốn họ thành Phật?
Ghen ghét kẻ phú quý,
Há có Bồ Đề tâm?

(84) Kẻ địch đã được lợi,
Hoặc thú chủ chưa cho,
Cả hai, mình không phân,
Việc gì mình phải lo?

(85) Sân hận mất phước lành,

Tín tâm và đức hạnh,
Tại sao không trách mình,
Tự gây bao chướng ngại?

(86) Khi xưa từng làm ác,
Tại sao chưa hối hận?
Nay lại còn ghen ghét,
Kẻ phước đức hơn mình!

(87) Giả sử người đau khổ,
Thì mình được vui gì?
Chỉ mong người khác khổ,
Chưa chắc họ sẽ khổ!

(88) Giả sử mình mãn nguyện,
Người khổ, mình vui gì?
Nếu nói mình thỏa mãn,
Không gì tồi hơn đây!

(89) Nếu lưới câu sên hận,
Bén nhọn móc dính mình,
Đưa mình vào địa ngục,
Chắc đọa vạc dầu sôi!

(90) Khen ngợi và vinh dự,
Không đem phước, tuổi thọ,
Sức lực, hay khoẻ mạnh,

Không làm thân an lạc.

(91) Nay hiểu rõ tổn, ích,
Danh vọng có ích gì?
Nếu chỉ muốn thỏa lòng,
Chi bằng vui từ sắc!

(92) Nếu chỉ vì hư danh,
Mất của, táng thân mạng,
Lời khen đem được gì?
Khi chết, ai hưởng lạc?

(93) Nhà cát bị sụp đổ,
Trẻ con khóc, gào la;
Mất danh, nếu bị thương,
Khác nào lũ con trẻ?

(94) Thanh tâm bọ, vô tình,
Khen ngợi nào đủ vui?
Nếu nói người ra mình,
Người khen là niềm vui.

(95) Được khen, hoặc người vui,
Đối mình có ích gì?
Vui sướng riêng họ hưởng,
Mình được phần nào đâu?

(96) Nếu người vui, mình vui,
Đổi kẻ khác cũng vậy;
Người vui khen kẻ địch,
Có sao mình không vui?

(97) Vậy khi mình được khen,
Nếu sinh tâm hoan hỷ,
Sự vui này vô lý,
Hành động như trẻ con!

(98) Khen ngợi làm tâm loạn,
Tổn hoại tâm xả ly,
Ghen ghét người có đức,
Sẽ hoại thành quả lành.

(99) Vì vậy nếu có người,
Tổn hoại danh dự mình,
Há đã chẳng cứu mình,
Khởi đọa ba đường ác?

(100) Mình chỉ cần giải thoát,
Không cần lợi trời buộc,
Tại sao lại sinh sân,
Với người cõi trời mình?

(101) Như mình sắp bị đọa,
Vì nhờ Phật gia hộ,

Kẻ thù thành vật ngăn,
Tại sao lại ghét họ?

(102) Nếu địch ngăn phước mình,
Ghét họ cũng không đúng;
Khó làm, không hơn nhẫn,
Tại sao không chịu nhẫn?

(103) Nếu vì chính lỗi mình,
Không nhẫn sự tổn hại,
Phải chăng mình tự chướng,
Tu nhẫn, nguồn phước đức?

(104) Không hại, nhẫn không sinh,
Kẻ địch giúp mình nhẫn,
Họ là nguồn tu phước,
Sao gọi là chướng phước?

(105) Kẻ đúng lúc đến xin,
Không ngăn mình bố thí;
Các vị thầy truyền giới,
Không ngăn mình xuất gia.

(106) Thế gian nhiều ăn mày,
Kẻ hại mình thì ít,
Nếu mình không kết oán,
Chắc không ai hại mình.

(107) Kẻ thù rất khó gặp,
Như báu hiện nhà nghèo;
Họ giúp mình thành Phật,
Phải mừng khi gặp họ!

(108) Nhờ địch nên nhần thành,
Uì thế thành quả này,
Nên dâng hiến kẻ địch,
Uì họ là nhần duyên.

(109) Nếu địch không ý giúp,
Không đáng mình cúng dường,
Uây cũng chẳng nên cúng,
Chánh Pháp, nguồn tu thiện.

(110) Uì địch chỉ hại mình,
Nên mình không cúng dường,
Nếu họ như lương y,
Mình làm sao tu nhần?

(111) Phải nhờ người sân ác,
Mới tu được nhần nhục;
Kẻ địch là nguồn nhần,
Phải cúng như Chánh Pháp!

(112) Chúng sinh và chư Phật,

Là phước điền thù thắng,
Kẻ nào kính cả hai,
Sẽ đạt đến bờ Giác!

(113) Chúng sinh, Phật đều là,
Nhân duyên giúp thành Phật!
Kính Phật, kính chúng sinh,
Lẽ nào có lý này?

(114) Trên phương diện trí, đức,
Chúng sanh không bằng Phật,
Làm duyên giúp thành Phật,
Chúng sanh, Phật bằng nhau!

(115) Nên cúng bực tâm từ,
Bởi vì họ tôn quý,
Kính Phật, phước điền lớn,
Bởi vì Phật tôn quý.

(116) Chúng sanh giúp thành Phật,
Nên nói đồng chư Phật,
Nhưng chúng sinh kém Phật
Biển công đức vô biên.

(117) Uối bực được ít phần,
Công đức của chư Phật,
Tuy cúng vật ba cõi,

Cũng chưa gọi là đủ!

**(118) Hữu tình dữ công đức,
Sinh khởi Pháp thù thắng,
Đức này đồng chư Phật,
Vậy phải cúng hữu tình!**

**(119) Chư Phật đối hữu tình,
Thành thật làm lợi ích;
Nếu muốn báo ơn Phật,
Xin làm hữu tình vui!**

**(120) Lợi sinh mới đủ báo,
Ơn Phật, bậc vì ta,
Xả thân vào địa ngục,
Vì thế dù bị hại,
Kiên quyết tu pháp lành!**

**(121) Chư Phật vì chúng sinh,
Còn không tiếc thân mệnh,
Mình sao còn ngã mạn,
Không phục vụ hữu tình?**

**(122) Chúng sinh vui, Phật vui,
Chúng sinh khổ, Phật buồn,
Làm chúng vui, Phật vui,
Hại chúng sinh, hại Phật.**

(123) Nếu toàn thân bằng lửa,
Được vui, tâm nào vui?
Nếu thương tổn hữu tình,
Làm sao khiến Phật vui?

(124) Vì xưa hại chúng sinh,
Làm cho Phật đau buồn,
Nay gặp đầu sám hối,
Cầu Phật tha kết tội!

(125) Muốn làm Như Lai vui,
Nên làm lợi thế gian,
Mặc cho người giẫm đầu,
Thà chết, vui lòng Phật!

(126) Chư Phật đáng Đại Bi,
Xem chúng sinh như mình;
Chúng sinh, Phật đồng thể,
Sao không kính chúng sinh?

(127) Làm chúng vui, Phật vui,
Không những lợi chính mình,
Lại trừ thế gian khổ,
Thế nên phải an nhẫn.

(128) Như bầy tôi của vua,
Tuy tổn hại nhiều người,

Bạc trí tuy đủ sức,
Nhưng vẫn không phục thù,

(129) Vì bọn họ đông nhiều,
Lại được vua hậu thuận;
Sức kẻ địch tuy yếu,
Cũng không coi thường họ!

(130) Kẻ địch nương tựa vào,
Chư Phật, cùng ngục tốt;
Hãy làm hữu tình vui,
Giống như dân hầu vua!

(131) Bao chúa tuy nổi sân,
Không làm đọa địa ngục,
Nếu xúc phạm hữu tình,
Ắt thọ địa ngục khổ!

(132) Dù làm cho vua vui,
Không giúp ta thành Phật,
Nếu làm chúng sinh vui,
Ắt thành Vô Thượng Giác!

(133) Tại sao vẫn chưa thấy,
Quả báo làm người vui:
Đời sau được thành Phật,
Đời này hưởng vinh hoa!

(134) Đòi đòi tu nhân nhục:
Thân đẹp, không bệnh hoạn,
Danh dự, tuổi thọ dài,
Vui đồng Chuyển Luân Vương!



Tinh Tiến



Ở trong chúng thiên nã,
Ngàn lần nên nhĩn nại;
(Như) Sư tử trong lữ chôn,
Không bị thiên nã hại!

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm bầy:
Tinh tiến

(1) Nhấn xong cần tinh tiến,
Tinh tiến chúng Bồ Đề!
Không gió, đèn không động,
Không tiếng, phước không sinh.

(2) Siêng là hay làm thiện,
Nếu không sẽ lười biếng,
Ham những sự thấp hèn,
Tự khinh và chán nản,

(3) Tham mê sự lười vui,
Biếng nhác, ham ngủ nghỉ,
Không nhàm khổ luân hồi,
Càng lúc càng lười biếng!

(4) Sao vẫn chưa biết mình,
Đang trong lưới vô minh,
Lăn lộn ngục sinh tử,
Ắt vào miệng tử thần?

(5) Có sinh ắt có tử,
Bạn lẽ nào không thấy?
Những kẻ tham ngủ nghỉ,

Như bò thấy đờ tử.

(6) Lối thoát bị chặn ngăn,
Tử thần nhìn đăm đăm,
Lúc đó nào có thể,
Tham ngủ cùng tham ăn?

(7) Cái chết đến nhanh chóng,
Kịp thời nên chuẩn bị,
Sắp chết mới siêng năng,
Đã trễ, siêng ích gì?

(8) Sắp làm, mới bắt đầu,
Hoặc làm chưa bao lâu,
Tử thần đột nhiên đến,
Ồ hô, đời còn đâu!

(9) Ưu sầu đôi mắt đỏ,
Giòng lệ tuôn nhạt nhòa,
Họ hàng nhìn tuyệt vọng,
Bóng tử thần hiện ra.

(10) Nhớ tội lòng áo nã,
Nghe tiếng ngục kêu gào,
Cuồng loạn, thân phần uế,
Khi đó phải làm sao?

(11) Lúc chết niềm lo sợ,

Như cá nằm trên thớt;
Hưởng nghiệp xưa dần dất,
Thọ khổ nơi địa ngục?

(12) Như trẻ bỏng nước sôi,
Rất đau, thân thống khổ,
Đã tạo nghiệp địa ngục,
Sao lại còn nhơn nhơ?

(13) Lười, mà mong quả lành,
Như nước, hay than van,
Chết đến còn phóng dật,
Ắt chịu khổ thiên đót!

(14) Nhờ chiếc bè thân người,
Vượt qua biển khổ lớn,
Bè này khó gặp lại,
Đề ngu! Chớ tham ngủ!

(15) Bồ pháp vui cao thượng,
Nguồn hoan lạc vô biên,
Tham sự vui phù phiếm,
Nguồn gốc của khổ đau.

(16) Không sợ, tích phước đức,
Tu định, lòng tự tại,
Quán mình, người bình đẳng,

Siêng tu tự tha oán!

(17) Không nên sợ, thoái lui,
Nghĩ mình không thành Phật;
Như Lai, đáng nói thực,
Đã dạy như thế này:

(18) Như lũ muỗi, mòng, ong,
Tất cả loài côn trùng,
Nếu phát tâm tinh tiến,
Đều chứng Vô Thượng Giác!

(19) Hướng mình sinh làm người
Sáng suốt, rõ thiện ác,
Hành trì nếu không ngừng,
Lẽ nào không thành Phật?

(20) Nếu nói mình sợ rằng
Phải bỏ thí chân, tay;
Thật chưa rõ trước sau,
Kẻ ngu sợ vớ vẩn!

(21) Đã qua vô lượng kiếp,
Ngàn lần bị chặt, cắt,
Đâm, đốt, bị phank thân,
Mà vẫn chưa thành Phật.

(22) Mình nay tu Bồ Đề,
Chịu khổ chỉ có hạn,
Như trị bệnh ung nhọt,
Bị mổ, tạm thời đau.

(23) Vì muốn trị lành bệnh,
Lương y dùng chút khổ;
Muốn diệt khổ sinh tử,
Phải nhẫn tu hành khổ!

(24) Y Vương không dùng đến,
Lối trị bệnh tâm thường,
Mà dùng sự ngọt ngào,
Trị cơn bệnh trầm kha.

(25) Ban đầu, Phật cũng dùng,
Cơm, rau đem bố thí,
Lần lần tâm rộng lớn,
Bố thí thân thể mình.

(26) Một khi rõ thân mình,
Tâm thường như cây cỏ,
Lúc đó thí xương thịt,
Đâu còn khó khăn gì?

(27) Ác nghiệp làm thân khổ,
Vọng tưởng khiến tâm sầu,

Đoạn ác, tiêu nổi khổ!
Có trí, diệt niềm đau!

(28) Có phước, thân vui sướng,
Có tuệ, tâm an lạc,
Bồ tát vì chúng sinh,
Trong sinh tử không nhàm!

(29) Tâm Bồ Đề có thể:
Diệt trừ mọi ác nghiệp,
Tích tụ biển phước đức,
Vì thế thắng Thanh văn!

(30) Thế nên quên nhọc nhằn,
Cưỡi ngựa Bồ Đề Tâm,
Càng lúc càng an lạc,
Người trí há sờn lòng?

(31) Muốn làm lợi hữu tình,
Bốn duyên giúp tinh tiến:
Tin sâu, lòng kiên nghị,
Buông xả, tâm hoan hỷ;
Sợ khổ, nghĩ lợi ích,
Có thể sinh lòng tin.

(32) Muốn trừ bệnh biếng nhác,
Khéo dùng bốn trợ duyên:

Tín, nghi, xả, hoan hỷ,
Nỗ lực tăng tịch tiến!

(33) Phát nguyện muốn trừ sạch
Lỗi lầm của mình người,
Muốn trừ một lỗi lầm,
Phải tu vô số kiếp!

(34) Nếu hành giả chưa từng,
Tịch tiến diệt lỗi lầm,
Trong tâm há không sợ,
Vô lượng quả báo khổ?

(35) Phát nguyện muốn mau thành,
Công đức cho mình người,
Muốn thành một công đức,
Phải tu vô số kiếp!

(36) Thế nhưng vẫn chưa từng,
Tu một phần công đức,
Quả là sự lạ lùng,
Phí một đời vô nghĩa!

(37) Xưa chưa từng cúng Phật,
Chưa lập hội bố thí,
Chưa từng vâng lời Phật,
Chưa mãn nguyện kẻ nghèo,

(38) Chưa từng: thí vô úy,
Giúp người khổ được vui,
Vì thế chịu thai khổ,
Cùng lão, bệnh, tử khổ!

(39) Từ xưa đến đời nay,
Vì không tin Phật Pháp,
Nên gặp khổ nạn này!
Nếu đã hiểu như vậy,
Ai dám bỏ niềm tin?

(40) Phật nói mọi sự lành,
Niềm tin là căn bản,
Gốc của niềm tin là:
Thường nghĩ đến nhân quả!

(41) Do tội xưa, mà nay:
Sinh ra nhiều sợ hãi,
Thống khổ, lòng không vui,
Bao sự cầu không toại!

(42) Những kẻ vưng niềm tin,
Do làm những điều lành,
Bất luận đến nơi nào,
Phước đức đều nảy sanh!

(43) Kẻ ác tuy cầu vui,

Bất luận đến nơi nào,
Tội báo đều hiện tiền,
Khổ não, nhiều sâu đau!

(44) Do xưa tu nghiệp lành,
Sinh vào hoa sen lớn,
Ngát thơm và mát mẽ,
Thường thức lời Pháp hay,
Tâm nhuần, thân sắc diệu,
Ánh sáng Phật, hoa khai,
Sinh ra thành Bồ Tát,
Trước Phật hưởng an lạc!

(45) Do xưa nhiều nghiệp ác,
Diêm Vương, lũ ngục tốt,
Lột da làm đau đớn,
Lửa đun thép lỏng sôi,
Tươi vào thân không da,
Kiếm lửa đâm thân thể,
Đống thịt xương nhầy nhụa,
Tung tóe trên sàn lửa!

(46) Bởi thế nên ngưỡng mộ,
Cung kính tu pháp lành,
Theo kinh Kim Cương Trang,
Làm thiện, tăng lòng tin.

(47) Nên tự lượng sức mình,
Có nên làm hay không?
Chưa nên, hãy tạm gác,
Đã làm, không lùi bước!

(48) Nếu lùi, thì đời sau,
Quen nết, tặng tội khổ,
Nghiệp lành lúc chín muồi,
Yếu ớt không thành quả.

(49) Nên sinh lòng tự tin,
Vào năng lực tu hành,
Đoạn ác và tu thiện;
Nghĩ mình nên tự lực,
Hành diện trong việc làm!

(50) Kẻ phạm bị nghiệp trôi,
Không thể tự lợi mình,
Thế nên phải tận lực,
Cứu vớt kẻ phạm ngu!

(51) Kẻ tục còn siêng làm,
Sao mình lại ngời không?
Nếu vì kiêu không làm,
Tốt nhất đừng nên kiêu!

(52) Qua gặp rắn hoi hóp,

Dừng cảm như đại bàng;
Tín tâm nếu khiếp nhược,
Ắt bị việc nhỏ hại!

(53) Khiếp nhược bỏ tinh tiến,
Làm sao tăng phước đức?
Tự tin và quả cảm,
Chướng lớn cũng không ngại!

(54) Bởi thế, tâm kiên định,
Hăng hái diệt tội đọa!
Nếu bị thua tội này,
Làm sao vượt ba cõi?

(55) Mình phải thắng tất cả,
Đừng để nghiệp thắng mình!
Mình đã là con Phật,
Vên giữ niềm tự tin!

(56) Kẻ đầu hàng ngã mạn,
Là người không tự tin;
Người đứng không khuất phục,
Bởi phiên nào ngã mạn,
Còn những kẻ ngã mạn,
Bị thua sự ngã mạn!

(57) Nếu do mạn sinh kiêu
Sẽ đọa vào đường ác,

Làm người: thân hạ tiện,
Nô bộc, ăn đồ thừa,

(58) Ngu, xấu, thân ốm yếu,
Nơi nơi bị người khinh;
Có gì đáng thương bằng,
Kẻ kiêu căng tự phụ!

(59) Vì muốn thắng ngã mạn,
Giữ vững lòng tin mình,
Đây là người thắng lợi,
Bác anh hào tự tín!
Nếu chân thực diệt kết,
Kẻ thù kiêu mạn này,
Ắt sẽ thành Phật quả,
Viên mãn chúng sinh nguyện!

(60) Ở trong chúng phiền não,
Ngàn lần nên nhẫn nại;
(Như) Sư tử trong lũ chồn,
Không bị phiền não hại!

(61) Như người gặp nguy hiểm,
Lo giữ đôi mắt mình,
Nếu đối diện phiền não,
Giữ tâm đừng bị mê!

(62) Chẳng thà bị đốt chết,
Thậm chí bị chặt đầu,
Quyết định không nhượng bước,
Quy lụy giặc phiền não!
(Trong tất cả thời, xứ,
Không làm chuyện vô nghĩa.)

(63) Như kẻ trong đám mê;
Bồ tát đổi việc thiện,
Phải khởi lòng ham muốn,
Yêu thích tâm không nhàm!

(64) Kẻ phạm tham cầu vui,
Chưa chắc sẽ được vui!
Hai lợi, đem niềm vui,
Không làm, làm sao vui?

(65) Dục lạc như chui mật,
Trét trên lưỡi dao bén,
Lại tham mê không nhàm!
Còn như, đổi niềm vui,
Tịch diệt cửa chư Phật,
Tại sao lại sinh nhàm?

(66) Muốn thành tựu sự lành,
Xông pha lòng vui vẻ,
Như voi, trời oi bức,

Xướng ao, lòng kân hoan!

(67) Khi thân tâm mệt mỏi,
Tạm nghỉ, sau làm tiếp,
Làm xong liền gác bên,
Kể đến làm việc khác.

(68) Kể chiến binh kỳ cựu,
Gặp địch tránh làn gươm;
Như thế, né vô minh,
Khéo trôi giạt phiền não!

(69) Đánh trận bị rút kiếm,
Sợ giết, liền nhặt lên;
Như vậy, mất chánh niệm,
Sợ đọa, liền nhiếp tâm!

(70) Như độc theo mạch máu,
Nhanh chóng chảy khắp thân,
Vô minh thừa cơ hội,
Tội ác che lấp tâm.

(71) Như người, kiếm kẻ cớ,
Đi cầm bát dầu đầy,
Sợ tràn sẽ bị giết;
Giữ giới cũng như vậy!

(72) Như rắn chui vào lòng,
Phất dậy, mau xua đuổi!
Như thê, ma ngũ đến,
Tĩnh táo, mau tiêu trừ!

(73) Mỗi khi làm điều lỗi,
Phải nên tự trách mình,
Từ nay trở về sau,
Quyết định không tái phạm!

(74) Nên bất cứ lúc nào,
Tịch tiến tu chánh niệm,
Theo đây cầu thầy lành,
Viên thành chánh đạo nghiệp!

(75) Vì muốn làm việc lành,
Trước khi bắt tay nên:
Nhớ lời, không phóng dật,
Hăng hái làm vui vẻ!

(76) Như bông vải nhẹ bay,
Theo gió thổi đông tây;
Thân tâm nếu hăng hái,
Quả thiện chóng tròn đầy!

Tĩnh Lý



Thank khiết ánh trắng trong,
Mát rượi mùi chiên đàn,
Chiều dài trên mặt đá,
Lòng khoan khoan nhẹ,
Gió rừng êm, lặng lẽ
Trong tịch mịch thổi qua,
Người du già hạnh phúc,
Vút bay lông lợi tha!

Phẩm tám:

Tĩnh lự

(1) Đã phát khởi tinh tiến,
Tâm nên trụ thiền định;
Người tâm ý tán loạn,
Ở trong miệng vô minh!

(2) Thân tâm nếu cô tịch,
Tán loạn sẽ không sinh,
Thế nên xa thế gian,
Buông xả lòng tục lụy!

(3) Tham họ hàng tài sản,
Khó mà bỏ thế gian,
Vì vậy nên xả kết,
Theo trí tu thiền quán!

(4) Các pháp quán có chỉ,
Mới diệt được phiền não,
Đã biết, nên tu chỉ,
Chỉ thành do xả tham.

(5) Thân mình vốn vô thường,
Lại tham kẻ vô thường,

Trải qua trăm ngàn kiếp,
Không gặp người mình thương.

(6) Chưa gặp, lòng ray rứt,
Không thể nhập thiền định,
Dù gặp, không thỏa mãn,
Ray rứt lòng như xưa.

(7) Nếu tham luyến hữu tình,
Ắt chướng thực tính tuệ,
Lại phá tâm yếm ly,
Chung cuộc gặp sầu khổ!

(8) Nếu chỉ tư tưởng họ,
Qua cuộc đời vô nghĩa,
Người bạn vô thường này,
Sẽ hoại pháp chân thường!

(9) Hành vi giống phạm ngu,
Sẽ đọa ba ác đạo;
Tâm muốn đến cảnh thánh,
Cần gì gần phạm ngu!

(10) Mới vừa là bạn thân,
Phút chốc biến thành thù,
Việc vui cũng buồn giận,
Khó vừa lòng phạm ngu!

(11) Nói thực thì giận hờn,
Lại khuyên bỏ điều thiện,
Nếu không nghe lời họ,
Sân nô, đọa ác thú!

(12) Cao hơn thì ghen ghét,
Bằng nhau thì cạnh tranh,
Thấp hơn thì khinh miệt,
Khen ngợi thì giả vờ,
Ngược ý, sinh buồn giận,
Gần kẻ tục ích gì?

(13) Đánh bạn với người ngu,
Át sinh việc bất thiện,
Khen mình, chê lỗi người,
Ham nói chuyện thế gian.

(14) Vì thế gần người thân,
Chỉ là tự hại mình!
Họ không ích gì mình,
Mình cũng không lợi họ.

(15) Nên rời xa lũ ngu;
Gặp họ, vui vẻ chào,
Không nên quá thân mật,
Bất quá, thuận lễ nghi!

(16) Giống như ong lấy mật,
Uì phấp mà khát thục,
Xong rồi, như người lạ,
Chưa bao giờ gặp qua.

(17) "Mình giàu, được cung kính,
Mọi người đều thích mình."
Kêu kêu càng như vậy,
Lúc chết nhiều sợ hãi.

(18) Nay tâm! Mi nên biết:
Bất luận tham việc gì,
Ắt sẽ bị khổ báo,
Ngàn lần hơn chỗ tham!

(19) Người trí chớ nên tham,
Tham sinh lòng lo sợ,
Phải kiên tâm hiểu rõ,
Vật tính vốn là không!

(20) Dù mình giàu tiền của,
Được nhiều người ca ngợi,
Danh lợi dù bao nhiêu,
Đến chết, không theo mình!

(21) Nếu có người chê mình,

Khen ngợi nào đáng vui?
Nếu có người khen mình,
Chê bai nào đáng buồn?

(22) Phật còn không thể làm,
Ưa lòng kết chúng sinh,
Hướng chi mình phạm tục?
Bởi thế đừng nên lo!

(23) Khinh thường kẻ bần cùng,
Chê bai kẻ giàu sang,
Bản tính khó làm bạn,
Gần họ có gì vui?

(24) Như Lai từng dạy rằng:
Đừng làm bạn phạm ngu!
Nếu không làm lợi họ,
Uất ức lòng không vui.

(25) Chùng nào mới vào rừng
Sống với cây, chim, thú,
Chúng không nói lời ác,
Ở chung, tâm thường vui.

(26) Chùng nào ở gốc cây,
Động núi, chùa hoang vắng;
Nguyện không còn quyến luyến,
Dứt lòng tham hồng trần!

(27) Chùng nào mới đến chốn,
Trời đất rộng thiên nhiên,
Không chấp là của mình,
Tự tại không tham luyến!

(28) Chùng nào ở không lo,
Bình bát, vài vật nhỏ,
Tâm ý chẳng người thêm,
Hoặc chẳng cần che thân.

(29) Chùng nào đến rừng thây,
Thấy cảnh, hiểu được rằng:
Xương người cùng thân mình
Đều là pháp hoại diệt!

(30) Thân này sẽ nát rữa,
Mùi thối làm nôn mửa,
Chôn, sỏi chẳng dám gần,
Cuối cùng chỉ là thể!

(31) Lúc sống, tâm thân này,
Xương, thịt gắn liền nhau,
Đến chết, xương tản mát,
Hướng gì bạn, người thân?

(32) Sinh ra cũng một mình,

Chết đi cũng một mình,
Khổ, chẳng ai chia sẻ,
Thân quyền nào ích chi?

(33) Như lữ khách qua đường,
Rời đây đến nơi kia;
Trên đường sinh tử dài,
Bỏ thân này đến kia.

(34) Nên sớm vào rừng tu,
Đừng đợi đến khi chết,
Tiếng người thân nước nở,
Bốn người khiêng thây ra.

(35) Không thân cũng không oán,
Một mình ẩn núi rừng,
Thân này như đã mất,
Đến chết chẳng người lo.

(36) Bốn bề không bóng người,
Khóc la, hoặc làm hại,
Có thể tu niệm Phật,
Mà không người chướng ngại!

(37) Thế nên ở một mình,
Ở sự, dễ an lạc,
Trong rừng vắng tịch tĩnh,

Đình chỉ tâm tán loạn!

**(38) Đã bỏ kết lờng tục,
Tâm nay phải chuyên nhất,
Vì muốn nhập đẳng chí,
Siêng hàng phục phiền nào!**

**(39) Đời này hoặc đời sau,
Tham dục đem tai hại,
Đời này: trói, chém, giết,
Đời sau: đọa địa ngục!**

**(40) Vì ai mà khẩn cầu,
Trước ông tơ, bà nguyệt?
Vì ai mà không ki,
Tạo tội và ác danh?**

**(41) Dù hiểm vẫn lao vào,
Tiêu hao bao tài sản,
Chỉ cần gái vào lòng,
Đê mê hồn tiêu tán!**

**(42) Tâm thân không tự chủ,
Ngoài xương chẳng có gì!
Thay vì khổ tham luyến,
Chi bằng tu Niết Bàn!**

(43) Mới về, tay nâng cầm,
Kê nhau, nhìn e lệ,
Khi xưa: thấy, chưa thấy,
Màn the che mỹ diện!

(44) Xưa khuôn mặt yêu kiều,
Nay phô bày trước mắt,
Điều hâu bác màn che,
Đã thấy, sao sợ chạy?

(45) Ngày trước người nhìn trộm,
Ghen tuông lo giữ gìn;
Thầy nường, nay điều ăn,
Đề kiết! Sao không giữ?

(46) Nay nhìn đống tử thi,
Điều, thú tranh cầu xé,
Xưa, khổ tung tin nường,
Nay, điều rửa, thú bươi!

(47) Nếu thấy đống xương trắng,
Năm yên vẫn còn sợ!
Sao không sợ gái đẹp,
Di động quỷ nhập thầy?

(48) Xưa che đậy vẫn tham,
Nay lừa lừa sao sợ?

Kiểu nói ghét đồ dơ,
Sao tham khi che đậy?

(49) Phần uế cùng nước bọt,
Do thức ăn bài tiết,
Nếu không thích phần uế,
Sao lại tham nước bọt?

(50) Bọn mê gái không thích
Chấn gối nhung mềm mại,
Vì không mùi đàn bà;
Lũ ngu, tham đồ dơ!

(51) Bọn dâm tiện cho rằng:
Gối chăn tuy mềm mại,
Không thành mộng uyên ương;
Đối gối chăn sinh hờn.

(52) Kiểu nói ghét đồ dơ,
Sao lại xiết vào lòng,
Người nữ, lớp da bọc,
Thịt, gân buộc lỏng xương?

(53) Thân vốn nhiều bất tịnh,
Ngày ngày đều thấy biết,
Tham chẳng lẽ chưa đủ,
Còn tham thân của người?

(54) Nếu nói tham lẫn da,
Mắt nhìn, tay vuốt ve,
Nay sao lại không thích,
Vô tâm, chiếc thây ma?

(55) Nếu nói yêu tâm nàng,
Tâm nào rờ thấy được?
Rờ được không phải tâm,
Xiết ghi thật vô nghĩa!

(56) Không biết người bất tịnh,
Còn chưa phải kỳ lạ,
Không biết mình bất tịnh,
Điều này mới lạ kỳ!

(57) Tâm tham cầu uế này!
Sao lại bỏ đóa sen
Nắng ban mai nở nhụy,
Ngược lại tham đàn bà?

(58) Tại sao không dám rờ,
Vùng đất bị trét phân?
Mà lại tham rờ rẫm,
Chỗ dơ, rỉ cầu uế?

(59) Nói không wa nhớp nhúa;

Thai nghén trong lầy lụa,
Chỗ cấu uế sinh ra,
Sao cứ ôm vào lòng?

(60) Phần uế sinh giới trùng,
Dù ít cũng nhồm tằm,
Biết thế sao còn tham,
Phần uế sinh thân này?

(61) Không những không khinh ghét
Thân cấu uế của mình,
Lại vì tham bất tịnh,
Thêm thân dơ của người!

(62) Thế gian món trân hào,
Thức ăn và rau cải,
Nhai xong nhổ trên đất,
Mặt đất thành cấu nhơ.

(63) Thân này khớp như vậy,
Nhìn kij, nếu còn nghi,
Nên đến rừng thây chết,
Nhìn đống thây thối rữa!

(64) Thây chết bóc làn da,
Kẻ nhìn sinh khứng khiếp,
Biết rồi sao lại còn,

Háo sắc, lòng hoan hỉ?

(65) Thân thoa mùi chiên đàn,
Hương không từ thân ra,
Sao ngu si thêm muốn,
Thân khắp mượn mùi hương?

(66) Thân vốn mùi xú uế,
Đúng lý, nên nhớm tằm!
Lũ phàm phu tham dục,
Sao điếm tở thân này?

(67) Thân tiết ra mùi gì,
Nếu hương thuộc chiên đàn?
Sao vì mùi hương lạ,
Lại tham thân đàn bà!

(68) Thân vốn là lửa lò,
Tóc rối, móng dài dơ,
Răng vàng, bựa hôi thối,
Thoạt nhìn thấy nôn ọe!

(69) Tham dục, vật hại mình,
Sao lại trang sức nó?
Ô hay, bọn người ngu,
Tự hôn mê điên loạn!

(70) Nếu lòng sinh nhớm tằm

Đống xương nơi rừng thây,
Sao lại tham xương trắng,
Tới lui chốn thi thành?

(71) Thân đàn bà dù nhỏ,
Muốn được phải trả giá:
Đời này, lẫn lúc đau!
Đời sau, xuống địa ngục!

(72) Trẻ, không làm ra tiền,
Lớn làm sao hưởng dục?
Tích tụ, đến bạc đầu,
Dục lạc nào hưởng được?

(73) Kẻ tham dâm ti tiện,
Sáng ngày làm việc mỗi,
Tối về khí lực mòn,
Ngủ lẫn như thây chết.

(74) Hoặc phải đi xứ người,
Đường dài lắm gian nan,
Tuy muốn gặp mặt nhau,
Hàng năm không gặp được!

(75) Hoặc có người mưu lợi,
Uì ngu bán thân mình,
Tuy chưa thấy điều lợi,
Theo gió nghiệp nổi trôi.

(76) Hoặc có kẻ bán thân,
Tùy người khác sai khiến,
Thê thiếp khi lâm bồn,
Ra đồng dưới gốc cây.

(77) Kẻ nô lệ dục lạc
Uì tìm kẻ sinh nhai,
Dấn thân ra chiến trường;
Uì lợi thành nô lệ.

(78) Uì tham dục: cắt thân,
Hoặc nằm trên chông nhọn,
Hoặc tự đâm thân mình,
Hoặc lấy lửa đốt thân.

(79) Trải qua khổ tích giữ,
Mới biết cửa là họa;
Tham làm tâm điên đảo,
Đường giải thoát mít mừng!

(80) Tham dục sinh lắm khổ,
Nhiều hại, ít phước lợi,
Như con thú kéo xe,
Chỉ được vài năm cỏ.

(81) Lợi này quá nhỏ nhoi,
Sức sinh cũng có được;

Người vì lợi bốn ba,
Hoang phí thân quý này!

(82) Dục lạc rồi sẽ mất,
Tham, dễ đọa địa ngục,
Vi chút vui sướng tạm,
Chìm cõi khổ lâu dài!

(83) Chỉ cần ít phần khổ,
Cũng đủ thành Phật đạo!
Kẻ dục so Bồ Tát,
Khổ nhiều, không Bồ Đề!

(84) Nghĩ đến khổ địa ngục,
Mới biết các khổ khác:
Độc, lửa, binh, kẻ ác,
Không bằng khổ địa ngục!

(85) Thế nên, nhàm dục lạc,
Vui thích A lan nhã,
Không tranh, không phiền não,
Tịch tĩnh trong núi rừng!

(86) Thanh khiết ánh trăng trong,
Mát rượi mùi chiên đàn,
Chiều dài trên mặt đá,
Lòng khoan hoan nhẹ nhẹ,
Gió rừng êm, lãng lã

Trong tịch tịch thời qua,
Người du già hạnh phúc,
Uất bay lòng lợi tha!

(87) Nhà trống, động, góc cây,
Tùy ý ở đó đây,
Bỏ hết tâm tham luyến,
Bước chân theo trời mây!

(88) Tự tại bước vân du,
Không ràng buộc thân thù,
Uương hầu chưa chắc hưởng,
Biết đủ trong nhàn du!

(89) Nghĩ đến công đức này,
Rời xa những trần duyên,
Dứt hết tâm phân biệt,
Tu quán Bồ Đề tâm.

(90) Trước hết nên quán sát:
Mình, người vốn bình đẳng,
Đồng tránh khổ cầu vui,
Thương người như thương mình!

(91) Tay, chân tuy khác nhau,
Xem như thân, út đồng;
Chúng sinh tuy khác biệt,

Cầu vui cũng giống mình.

(92) Tuy sự khổ mình chịu,
Không tổn thương kẻ khác,
Vì mình chấp có ta,
Sự khổ thành của mình,
Nên không nhẫn chịu được!

(93) Như thế người thọ khổ,
Tuy không hại đến mình,
Vì quán người là ta,
Sự khổ thành của mình,
Nên không nhẫn chịu được!

(94) Nên trừ khổ cho người,
Người khổ như mình khổ,
Nên làm lợi cho người,
Xem người như chính mình!

(95) Hai bên, mình và người,
Cầu vui đều như nhau,
Mình, người nào khác biệt,
Sao chỉ cầu mình vui?

(96) Hai bên, mình và người,
Ghét khổ đều như nhau,
Mình, người nào khác biệt,

Sao chỉ lo lắng mình?

(97) Nếu nói, khổ của người,
Không tổn hại đến mình,
Thế nên mình không lo,
Nếu thế, khổ tương lai,
Không tổn hại hiện tại,
Cớ sao mình lại lo?

(98) Nghĩ mình sẽ thọ khổ,
Đây là nghĩ sai lầm!
Kẻ chết là thân này,
Người sinh là thân khác.

(99) Cho rằng thân mình khổ,
Thế nên tự phòng hộ,
Chân khổ khác tay khổ,
Sao tay che chở chân?

(100) Lo mình không lo người,
Chấp ngã nên như vậy!
Đây là điều phi lý,
Thế nên quyết đoạn trừ!

(101) Tâm là sự tương tục,
Như hạt trong chuỗi,
Thân là sự tích tụ,

Như lính trong đội quân,
Ước không người thợ khổ,
Ai là kẻ trừ khổ?

(102) Đã không người thợ khổ,
Các khổ không khác biệt,
Phải trừ diệt sự khổ,
Cần gì phải phân biệt!

(103) Không nên tranh luận rằng:
Cần gì đoạn khổ người?
Muốn trừ phải trừ hết,
Nếu không đều không trừ!

(104) [Phản đối] Tâm Bi đem đến khổ,
Tại sao cưỡng bức sinh?
[Đáp] Nếu thương chúng sinh khổ,
Khổ mình làm sao tăng?

(105) Khổ mình nếu trừ được
Khổ của nhiều người khác,
Vì lợi lạc mình, người,
Người lành vui nhận khổ!

(106) Bồ Tát Diệu Hoa Nguyệt,
Tuy biết vua muốn hại,
Nhưng vì lợi tự, tha,

Không tiếc thân mệnh mình!

(107) Như vậy, tu tâm mình,
Vui diệt khổ cho người,
Địa ngục cũng tìm đến,
Như vịt vào ao sen!

(108) Thấy hữu tình giải thoát,
Tâm vui như biển lớn!
Vui này há không đủ,
Tại sao chỉ độ mình?

(109) Tuy làm việc lợi người,
Cũng không nên kiêu ngạo!
Chuyên tâm làm lợi người,
Không mong cầu thiện báo!

(110) Việc ác tuy nhỏ nhặt,
Cũng nên tự giữ gìn,
Như vậy thấy người khổ,
Tu tập từ bi tâm!

(111) Tuy tinh cha, huyết mẹ,
Ưốn không phải thân mình,
Vì tập khí nên chấp,
Nhận tinh huyết là mình.

(112) Như vậy đối thân người,
Sao không xem là mình?
Thân mình đối thân người,
Như thế cũng không khó!

(113) Thân mình, lỗi lầm nhiều,
Thân người, công đức to,
Biết rồi, nên tu tập,
Thương người, bỏ chấp ta!

(114) Mọi người đều công nhận,
Tay chân là bộ phận;
Hữu tình là cái ta,
Tại sao không công nhận?

(115) Do tập khí nên nhận,
Tám thân này là ta,
Tại sao đối thân người,
Lại cho là xa lạ?

(116) Vì thế làm lợi người,
Cũng không sinh kiêu ngạo!
Như tự cho mình ăn,
Chưa từng cầu thiện báo.

(117) Người hại mình việc nhỏ,
Đã lo tự phòng hộ,

Cũng thế, đời người khổ,
Nên khởi lòng cứu độ!

(118) Bồ Tát Quán Thế Âm,
Tuôn trào lòng Đại Bi,
Gia trì danh hiệu mình,
Diệt chúng sinh sợ hãi.

(119) Thấy khó không lùi bước,
Mọi việc đều do quen;
Như xưa, chỉ nghe tên,
Lòng đã sinh sợ hãi,
Do nhân duyên gần gũi,
Lâu dần thấy quyến luyến,
Nay nếu phải xa nhau,
Lòng cảm thấy muộn phiền.

(120) Nếu muốn được mau chóng,
Cứu hộ mình và người,
Nên tu "tự tha hoán",
Bí quyết rất tuyệt vời!

(121) Vì tham luyến thân mình,
Việc khổ cũng sợ hãi;
Ai chẳng ghét thân này,
Như kẻ thù tai hại!

(122) Ngàn kẻ muốn trị lành:

Đói, khát, thân bệnh tật;
Bền giết: thú, cá, chim,
Hoặc làm chuyện cướp giết.

(123) Hoặc vì cầu lợi, kính,
Đến nỗi giết mẹ cha,
Trộm cắp vật Tam Bảo,
Do đây đọa Vô gián!

(124) Ai là người có trí,
Lại chăm sóc thân này?
Ai không coi như thù!
Ai chẳng khinh miệt nó!

(125) “Nếu cho, mình còn gì?”
Tự lợi, đọa nga quỉ!
“Mình hưởng, còn gì cho?”
Lợi tha, sinh trời người!

(126) Vì mình mà hại người,
Sẽ thọ khổ địa ngục;
Tổn mình làm lợi người,
Tất cả đều thành tự.

(127) Muốn cầu quyền thế cao:
Ti tiện, đọa ác đạo;
Khinh mình, tiến cử người:

Được kính, sinh thiện báo!

(128) Sai người phục vụ mình,
Sau bị làm nô bộc;
Nhọc mình làm lợi người,
Sau thành bậc vương hầu!

(129) Tất cả vui trên đời,
Đều do lợi người sanh!
Tất cả khổ trên đời,
Đều do tự lợi thành!

(130) Đâu cần phải dài lời,
Phàm ngu cầu tự lợi,
Mâu Ni chỉ lợi tha,
Khác biệt xa với vợ!

(131) Nếu không chân thực đem,
Vui mình thay khổ người,
Không những không thành Phật,
Sinh tử cũng không vui.

(132) Không cần luận đời sau,
Đời này sẽ thế nào,
Nếu tớ không làm việc,
Chữ không trả thù lao?

(133) Lợi người, sẽ được vui,
Nếu không, sẽ mất vui;
Hại người làm họ khổ,
Kẻ ngu tự chôn vùi.

(134) Những thế gian tai hại,
Khổ não và sợ hãi,
Đều do ngã chấp sinh;
Sao vẫn còn tham ái?

(135) Chưa quét sạch ngã chấp,
Ắt không thể trừ khổ!
Như lửa chưa dập tắt,
Sẽ dễ bị đốt bỏng.

(136) Nếu muốn: không tự hại,
Và diệt khổ cho người,
Quên mình giúp kẻ khác,
Thương người như thương mình!

(137) Nay tâm! Mi nên biết:
Ta đã thuộc người khác,
Mi phải rải lòng thương,
Đừng nên nghĩ tự lợi!

(138) Chớ dùng thân kẻ khác,
Để làm lợi cho mình,

Cũng không nên đem chúng,
Làm ác, hại chúng sinh.

(139) Nên cung kính hữu tình,
Vật gì là của mình,
Có được, đem ra kết,
Làm lợi ích chúng sinh!

(140) Đem mình đổi chỗ người,
Tùy bậc: thấp, bằng, cao,
Kế đó quán tạt đổ,
Cạnh tranh và kiêu ngạo.

(141) Họ được kính, mình không;
Mình của ít, họ giàu;
Họ được khen, mình chẳng;
Họ vui, mình khổ đau.

(142) Mình làm việc nhọc nhằn,
Họ ngày ngày nhàn nhẽ;
Họ, mọi người xưng dương,
Mình, tiếng tăm tàn tạ.

(143) (Mình) Bất tài phải làm sao?
(Họ) Tài học dù thế nào,
Họ vẫn thua một số,
Số lại, mình vẫn cao.

(144) Giới hạnh, kiến giải mình,
Thụt lùi bởi vô minh,
Xin xót thương cứu hộ,
Tuy khổ nên nguyện tình!

(145) Nhưng họ không giúp mình,
Trái lại còn miệt khinh,
Họ tuy có công đức,
Nào có ích gì mình?

(146) Không thương xót chúng sinh,
Của ác đạo gặp ghình,
Lại còn khoe công đức,
Muốn hơn người hiền mình.

(147) Vì muốn thắng được kẻ,
Lợi có thể bằng mình,
Dù tranh cũng mong được,
Tài lợi và cung kính.

(148) Tự khen công đức mình,
Làm nổi tiếng thế gian,
Che không cho người biết,
Đức của kẻ đồng hàng.

(149) Che lỗi, để được cúng,
Còn họ thì không được;

Được danh lợi, cung kính,
Còn họ thì không được

(150) Lại mong cho họ bị
Long đong, nhiều hoạn nạn,
Bi kẻ khác cười chê,
Xúm nhau mà trách mắng.

(151) Nghe nói tên quyền đó,
Muốn cùng mình cạnh tranh.
Tài nghệ và học thức,
Đồng đôi há bằng mình?

(152) Khi nghe người cùng nhau,
Ca tụng công đức mình,
Lòng đê mê, khoái lạc,
Như lên trời trường sinh.

(153) Dù hẳn có tài vật,
Mình tìm cách đoạt kết;
Nếu làm công cho mình,
Chỉ trả lương đủ sống.

(154) Làm hẳn thiếu an lạc,
Thường thường gặp họa hại;
Trong sinh tử, ngã chấp
Bao lần hãm hại mình.

(155) Tâm! Mi muốn lợi mình,
Nhưng qua bao số kiếp,
Từng chịu bao gian nan,
Chấp ngã chỉ tăng khổ!

(156) Cho nên phải tận tụy
Siêng làm lợi chúng sanh!
Đức Phật nói: Nếu muốn,
Được ích, phải phụng hành!

(157) Nếu mi từ xưa xa,
Chỉ làm việc lợi tha,
Nay chắc không gặp khổ,
Mà đã chúng Phật Đà!

(158) Nếu mi đổi tinh-huyết,
Cha mẹ tụ hợp lại,
Có thể chấp là ta,
Vây cũng nên quán sát
Kẻ khác cũng là ta!

(159) Nên vì người, dò xét,
Xem vật gì của mình,
Nếu có, đem ra kết,
Làm lợi ích chúng sinh.

(160) Mình vui, người khác buồn,
Mình cao, người khác thấp,
Lo mình, chẳng lo người,
Sao không tự đố ki?

(161) Rồi xa sự vui sướng,
Thay người khác chịu khổ,
Thường nên quán sát tâm,
Xem mình có lỗi gì?

(162) Nếu người khác làm lỗi,
Cúi đầu, mình thế tội,
Lỗi mình tuy nhỏ nhất,
Trước người thành thực hối!

(163) Nêu cao danh dự người,
Che dấu tên tuổi mình,
Đem thân làm nô bộc,
Siêng làm lợi chúng sinh!

(164) Thân này nhiều lỗi lầm,
Đức mỏng có gì khoe,
Nên che giấu đức mình,
Đừng để ai biết đến.

(165) Xưa chỉ biết lợi mình,
Việc làm đều hại người,

Nay vì muốn lợi người,
Nguyện chịu tất cả hại.

(166) Đừng hiện tướng hung hăng,
Hách dịch và kiêu căng,
Phải như nàng dâu mới:
E sợ, rất cẩn thận!

(167) Kiên quyết làm lợi người,
Đừng thương tổn chúng sinh,
Kên ngừng việc vọng động,
Kếu phạm sẽ trị tội!

(168) Đã răn dạy như thế,
Kếu vẫn chưa làm thiện,
Tội lỗi đều về mi,
Lúc đó sẽ bị phạt!

(169) Xưa bị mi khống trị,
Nay ta đã giác ngộ,
Bất luận đến nơi nào,
Đều phá kiêu mạn mi!

(170) Tâm! Chớ nên nghĩ rằng:
Mi vẫn còn quyền lợi;
Ta đã bán đứng mi!
Chớ than, phải tận lực.

(171) Nếu ta hơi phóng dật,
Chưa đem mi cho người,
Mi chắc sẽ đem ta,
Mà bán cho ngục tốt.

(172) Mi đã từng bao phen,
Làm ta khổ triền miên,
Nay nhớ oán hận xưa,
Quyết giết tâm ích kỷ!

(173) Mi muốn được hạnh phúc,
Không nên chỉ yêu mình,
Nếu muốn được che chở,
Nên che chở người khác.

(174) Nếu càng làm ân cần,
Che chở thân đờ này,
Nó càng thêm đọa lạc,
Vô dụng và bạc nhược.

(175) Ai dục càng tăng trưởng,
Tất cả vật thế gian,
Cũng không biết vừa đủ!
Ai thỏa mãn lòng dục?

(176) Cầu dục chưa thỏa mãn,
Phiền muộn, không vừa ý;

Người nào không tham cầu,
Phước báo vô cùng tận!

(177) Dục tăng trưởng tâm tham,
Đừng cho nó cơ hội!
Đừng tham mê vật dục,
Đây là tài sản thực.

(178) Tấm thân dơ, góm giếc,
Vằm dơ, đợi người khiêng,
Đốt xong thành tro bụi,
Sao lại chấp là ngã?

(179) Bất luận sống hay chết,
Thân này có ích gì?
Chẳng khác gì cây đá,
Sao không trừ ngã mạn?

(180) Hầu hạ tấm thân này,
Vô nghĩa tích tập khổ,
Với thân tựa gỗ này,
Nhọc gì tham với sân?

(181) Dù lảng lo, chăm sóc,
Hay quăng điếu, thú ăn,
Thân chẳng biết tham, sân,
Khổ gì ôm ấp nó?

(182) Khen, đâu làm thân vui,
Chê, đâu làm thân giận,
Thân vốn không hay biết,
Làm chi phải ân cần?

(183) Kẻ nào thích thân mình,
Mình xem họ là bạn;
Ai cũng yêu thân họ,
Sao không thương chúng sinh?

(184) Nên rời tâm tham chấp,
Ừ người, xả thân mình!
Thân này tuy nhiều lỗi,
Khéo dùng, như bè quý.

(185) Đã nhàm thói phạm phu,
Hay nên theo Thánh hiền!
Nhớ lời, không phóng dật,
Siêng cần, ít ngủ nghỉ.

(186) Như Bồ Tát tâm bi,
An nhẫn trong việc làm;
Nếu không siêng tu hành,
Ngày nào mới thoát khổ?

(187) Ừ muốn trừ nghiệp chướng,
Hồi tâm tránh đường tà,
Nương cảnh duyên thù thắng,

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Thường siêng tu tam muội.



Trí Tuệ



**Phật vì Trí Tuệ nói,
Nhưng phẩm ở phần trên;
Người muốn trừ diệt khổ,
Nên tu Không Tánh Tuệ!**

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm chín:

Trí tuệ

(1) Phật vì Trí Tuệ nên,
Nói những phẩm ở trên;
Người muốn trừ diệt khổ,
Nên tu Không Tánh Tuệ!

(2) Phật thường nói Nhị Đế:
Thắng Nghĩa và Thế Tục;
Thắng Nghĩa vượt tâm cảnh,
Thế Tục tức vọng tâm.

(3) Thế gian hai loại người:
Người đời, Du Già Sư,
Kiến giải của người đời
Bị Du Già luận phá.

(4) Du Già tuệ nhiều bậc,
Bậc trên dùng thí dụ,
Mọi người đã công nhận,
Mà luận phá bậc dưới;
Tuy kiến giải khác nhau,
Đều vì cầu thắng tiến,
Không chấp trước thí dụ,

Thuận thế gian tu hành.

(5) Người đời nhìn thế tục,
Chấp đó là chân thực,
Không biết là huyền hóa,
Nên tranh Du già sư.

(6) Sự vật nhận thức được,
Đều không phải chân thật;
Chúng chỉ là hư nguy,
Như đờ cho là sạch.

(7) Muốn dẫn đạo người đời,
Phật nói pháp vô thường;
[Nghi] Sự thực, tất cả pháp,
Không phải sát na diệt,
Nếu nói: "Pháp không thực",
Há không ngược thế tục?

(8) [Trung quán] Du Già thấy không lầm,
So "tục", gọi là "chân";
Nếu không, quán bất tịnh
Ngược lối nhìn thế gian.

(9) [Nghi] Nếu tất cả như huyền,
Cúng Phật không được phước?
[Trung quán] Cúng Phật "huyền" được phước,
Giống như cúng Phật "thực" !

[Tiểu thừa] Hữu tình nếu như huyễn,
Chết rồi, làm sao sinh?

(10) [Trung quán] Các duyên đã tập hợp,
Tuy huyễn cũng sẽ sinh!
Đâu phải vì trụ lâu,
Hữu tình thành có thực?

(11) [Duy tâm] Người huyễn làm thiện ác,
Vô tâm, không tội phước;
[Trung quán] Với kẻ có tâm huyễn,
Ắt sinh tội phước huyễn!

(12) [Duy tâm] Chứ thuật không tình thức,
Không thể sinh tâm huyễn;
[Trung quán] Các nhân duyên sinh ra,
Các sự vật như huyễn.

(13) Một duyên sinh tất cả,
Tuyệt nhiên không vật này!
[Tiểu thừa] Nếu theo Thắng Nghĩa Đế
Hữu tình đều Niết Bàn,
Mà theo Thế Tục Đế
Tất cả đều luân hồi,

(14) Vậy Phật cũng luân hồi,
Hạnh Bồ Tát ích gì?

[Trung quán] Các duyên nếu chưa đoạn,
Tuy huyễn cũng không diệt!

(15) Các duyên nếu đoạn diệt,
Thế tục, cũng không sinh!
[Duy tâm] Loạn thức nếu là không,
Lấy gì duyên huyễn cảnh?

(16) [Trung quán] Nếu không có huyễn cảnh
Tâm thức duyên chỗ nào?
[Duy tâm] Sở duyên khác thực cảnh,
Cảnh tướng tức tâm thể.

(17) [Trung quán] Huyền cảnh nếu là tâm,
Vật nào thấy vật nào?
Đức Phật có dạy rằng:
Tâm không tự thấy tâm,

(18) Như lưỡi dao bén nhọn
Không thể tự cắt mình.
[Duy tâm] Tâm thức như lửa đèn,
Có thể chiếu tự thân.

(19) [Trung quán] Lửa đèn không tự chiếu,
Như ám không tự che.
[Duy tâm] Thủy tinh, xank nhờ duyên,
Vật xank, không nhờ duyên,

(20) Thức cũng giống như vậy,
Nhờ, hoặc không nhờ duyên.
[Trung quán] Nếu không có tính xanh,
Không tự thành tính xanh.

(21) Nếu nói thức biết rõ,
Cho là đèn tự chiếu;
Tự tâm vốn sáng suốt,
Do đâu mà thức biết?

(22) Nếu tất cả mọi vật
Đều không thấy tâm thức,
Tâm sáng hay không sáng,
Nói đến đều vô nghĩa!
(Như) Nói con gái thạch nữ,
Là đẹp hay không đẹp.

(23) [Duy tâm] Nếu không tự chứng phần,
Tâm làm sao nhớ biết?
[Trung quán] Vì tâm, cảnh liền nhau,
Nên biết như chuột, độc.

(24) [Duy tâm] Tâm thông, xa thấy vật,
Gần nên tự thấy mình.
[Trung quán] Bôi mắt thuốc nhìn xa,
Thấy vật, không thấy thuốc.

(25) Ở đây không phủ nhận:
Thấy, nghe, và hiểu biết;
Chấp thực, gốc sự khổ,
Là điều muốn trừ diệt!

(26) [Duy tâm] Huyền cảnh không ngoài tâm,
Cũng không đồng với tâm.
[Trung quán] Nếu thực, sao không khác?
Không khác, ắt không thực!

(27) Huyền cảnh không có thực,
Tâm thấy biết cũng thế.
[Duy tâm] Luân hồi nương thực pháp,
Nếu không, như hư không!

(28) [Trung quán] Không thực nếu nương thực,
Làm sao có tác dụng?
Tâm nếu không trợ duyên,
Ắt thành thể cô độc;

(29) Nếu tâm rời đối tượng,
Chúng sinh đều thành Phật!
Lập ra nghĩa Duy thực,
Cuối cùng có ích gì?

(30) [Duy tâm] Tuy biết pháp như huyền,
Làm sao trừ phiền não?
Như huyền sự biến nữ,

Đôi huyền nữ sinh tham.

(31) [Trung quán] Huyền sư đôi chỗ biết,
Chưa đoạn phiền não tập,
Quán Không chưa thuần thực,
Thấy cảnh vẫn còn tham.

(32) Nếu tu tập Không Tánh,
Ắt đoạn chấp thực có!
Lại quán "Không" không thực,
Đoạn trừ sự chấp "Không" !

(33) [Duy tâm] Quán pháp không chân thực,
Không được pháp chân thực,
Không thực không chỗ nương,
Làm sao trụ trước tâm?

(34) [Trung quán] Nếu pháp "thực", "không thực",
Đều không trụ trước tâm,
Lúc đó không tướng khác,
Không duyên, tối tịch diệt.

(35) [Nghi] Nếu Phật không tâm thức,
Làm sao độ chúng sinh?
[Trung Quán] Ma Ni, cây Như ý,
Vô tâm, làm mất nguyện;
Do phước và tức nguyện,
Phật thị hiện độ sinh.

(36) Như xây tháp diệt độc,
Xây xong liền mệnh chung,
Tuy chết đã lâu đời,
Sức diệt độc vẫn còn.

(37) Tu tập hạnh Bồ Đề,
Viên thành tháp Chánh Giác,
Bồ Tát tuy nhập diệt,
Vẫn làm lợi chúng sinh!

(38) [Tiểu thừa] Cúng dường vô tâm Phật,
Làm sao được quả báo?
[Trung quán] Cúng hiến, quá khứ Phật,
Kính nói phước bằng nhau!

(39) Cúng, dùng tâm "chân", "tục",
Kính nói đều được phước;
Đem tâm huyền cúng Phật,
Phước như cúng Phật thật!

(40) [Tiểu thừa] Thấy Đế tức giải thoát,
Cần gì thấy Không Tánh?
[Trung quán] Kính Bát Nhã có nói:
Nếu không cúng "Không Tuệ",
Quyết không cúng Bồ Đề!

(41) [Tiểu thừa] Đại thừa giáo không thành.

[Trung quán] Tiểu thừa thế nào thành?
[Tiểu thừa] Hai giáo đều công nhận.
[Trung quán] Trước khi tin Tiểu thừa
Bạn cũng không công nhận,
Tiểu thừa do Phật nói.

(42) Nương gì tin Tiểu giáo,
Đại giáo cũng như vậy;
Nếu cả hai công nhận,
Mà giáo thành chân thực,
Phê Đà cũng chân thực.

(43) [Tiểu thừa] Đại giáo nhiều tranh luận,
Cho nên không công nhận.
[Trung Quán] Tiểu giáo tranh Đại giáo,
Ngoại đạo tranh Tiểu giáo,
Tiểu giáo tranh luận nhau,
Chỗ tranh đều không nhận!

(44) Nếu biên vào Kinh tạng,
Thì nhận là Phật nói,
Tam tạng Đại thừa giáo,
Sao bạn lại không nhận?

(45) Nếu bạn vì không hiểu
Một bộ kinh Đại thừa
Mà cực lực phủ nhận

Đại thừa do Phật nói,
Nay nên vì một bộ,
Đại thừa đồng Tiểu thừa,
Mà phải chấp nhận rằng,
Đại thừa do Phật nói!

(46) Các ngài Đại Ca Diếp, ...
Chưa lường kết lời Phật!
Ai vì bạn không kiêu,
Mà phớt bỏ Đại thừa?

(47) Nếu tăng là giáo bản,
Tăng cũng khó an trụ!
Kẻ chấp pháp là thực,
Khó mà chúng Niết Bàn!

(48) [Tiểu thừa] Nếu quán pháp Tứ Đế,
Như vô thường, vô ngã,
Sẽ chúng đắc giải thoát,
Cần gì chúng Tính Không?

[Trung quán] Kiến đạo nếu giải thoát,
Đoạn hiện hành cũng thế,
Bọn họ tuy đoạn hoặc,
Nghịệp báo vẫn hiện hành!

(49) [Tiểu thừa] Nếu không còn ái thủ,

Quyết định không hậu hữu.
[Trung quán] Ái không nhiễm ô này,
Như si, làm sao không?

(50) Do duyên thọ, sinh ái,
La Hán vẫn còn thọ,
Vị tâm còn sở duyên,
Thọ vẫn ở trong tâm.

(51) Nếu không chứng "Không Tuệ",
Tâm diệt, hoặc lại sinh,
Giống như Vô Tướng Định,
Vậy phải tu Không Tánh!

(52) Vì muốn độ kẻ ngu,
Bồ Tát bỏ tham, sợ,
Bi, Trí trụ luân hồi,
Tức là ngộ Không quá!

(53) Chớ nên khởi vọng động,
Phá trừ lý Không Tánh;
Tâm đừng nên sinh nghi,
Đúng lý tu Không Tánh!

(54) Không Tánh có thể tri;
Phiền não, sở tri chướng;
Người muốn mau thành Phật,

Sao không tu Không Tánh?

(55) Chấp thực sẽ sinh khổ,
Nên sợ sự chấp này!
Chúng "Không" sẽ diệt khổ,
Sao lại sợ Không Tánh?

(56) Thực ngã nếu vẫn còn,
Đối vật sẽ sinh sợ;
Nay đã không thực ngã,
Ai là người sợ hãi?

(57) Răng, tóc chẳng phải ngã,
Ngã chẳng phải máu, xương,
Chẳng phải đằm, nước bọt,
Cũng chẳng phải mũi, mắt,

(58) Chẳng phải mỡ, mồ hôi,
Cũng chẳng phải phổi, gan,
Ngã chẳng phải nội tạng,
Chẳng phải đại, tiểu tiện,

(59) Thịt, da không phải ngã,
Mạch máu, khí, hơi ấm,
Trăm khiếu và sáu thức,
Tất cả không phải ngã!

(60) Thanh thức nếu là thường,
Mọi thời đều nghe tiếng,
Nếu không có âm thanh,
Lý gì gọi nghe thanh?

(61) Không thức mà biết được,
Cây cũng có thể biết;
Vi thế nên hiểu rằng,
Không cảnh thì không biết!

(62) Nếu nói thức biết sắc,
Lúc đó sao không nghe?
Nếu nói thanh không gần,
Ât thanh thức không có!

(63) Tự tính là nghe thanh,
Làm sao thành nhân thức?
[Số luận] Một người làm cha, con.
[Trung quán] Giả danh không chân thực.

(64) Ba đức Ưu, Hỷ, Ám,
Chẳng phải con hoặc cha;
Nhân thức không tính nghe,
Vi không thấy tính ấy.

(65) [Số luận] Như diễn viên nhiều dạng.
[Trung quán] Thức đó không thường hằng.
[Số luận] Tuy dạng khác, thể đồng.

[Trung quán] Sự đồng chưa từng có!

(66) Hình dạng nếu không thực,
Tự tính sẽ là gì?
Nếu nói tức là thức,
Chúng sinh sẽ thành một!

(67) Tâm, không tâm là một,
Đều là thường hiện hữu;
Nếu sai khác là giả,
Sự đồng nương chỗ nào?

(68) [Trung quán] Không tâm không phải ngã,
Không tâm như là bình.
[Ni kiền tử] Lúc hợp lại có tâm.
[Trung quán] Biết thành, không biết diệt.

(69) Nếu ngã không biến đổi,
Tâm đổi ngã ích gì?
Ô tri, không tác dụng,
Hư không cũng thành ngã!

(70) [Hỏi] Nếu ngã không thực hữu,
Nghiep báo thực phi lý!
Kẻ làm xong đã diệt,
Ai là kẻ thọ báo?

(71) [Trung quán] Người làm, người thọ khác,

Báo đến, kẻ làm mất;
Tôi, bạn đều đồng ý,
Tranh nhau, nghĩa lý gì?

(72) Tạo nhân liền thấy quả,
Điều này không thể có!
Y vào sự tương tục,
Phật nói kẻ làm thọ.

(73) Tâm quá khứ, vi lai,
Đều không, không phải ngã,
Tâm hiện tại nếu là,
Diệt đi, ngã cũng mất!

(74) Uí như thân cây chuối,
Bóc đi, không còn gì;
Như vậy dùng tuệ quán,
Tìm ngã, thấy không thực!

(75) [Hỏi] Hữu tình nếu là không,
Khởi lòng bi với ai?
[Trung quán] Bồ Tát còn vô minh,
Vẫn thấy có chúng sinh,
Vì muốn cứu vớt họ,
Nên lập nguyện thành Phật.

(76) Người không, ai đặc quá?

Nếu nói tâm si đức,
Uì diệt chúng sinh khổ,
Không nên trừ si này!

(77) Ngã mạn là gốc khổ,
Lại tăng trưởng ngã chấp;
Hỏi: "Làm sao trừ mạn?"
Đáp: "Vô tu vô ngã!"

(78) Bàn chân và bắp chân,
Bắp đùi, mông và bụng,
Lưng, ngực và đôi vai,
Tất cả không phải thân.

(79) Bàn tay và bắp tay,
Hai nách, đầu, nội tạng,
Tất cả không phải thân,
Trong đây ai là thân?

(80) Nếu nói thân ở khắp,
Tất cả các bộ phận,
Mỗi bộ là phần riêng,
Thân phải ở chỗ nào?

(81) Nếu nói một thân này,
Phân ra ở các phần;
Vậy có bao bộ phận,

Là có bấy nhiêu thân!

(82) Trong, ngoài, nếu không thân,
Tay làm sao có thân?
Ngoài tay không gì khác,
Làm sao mà có thân?

(83) Không thân, vì ngu mê,
Đổi tay nghĩ có thân,
Như do hình dạng đá,
Lầm tưởng là người thật.

(84) Khi chúng duyên tụ hợp,
Thấy hình đá giống người;
Như vậy đổi tay, chân,
Mà thấy thực có thân.

(85) Bàn tay do ngón hợp,
Đúng lý là vật gì?
Ngón tay do lông thành,
Lông lại có thể phân.

(86) Phân lại phân thành trần,
Trần phân thành phương phần,
Phương trần không bộ phận,
Như không, không vi trần.

(87) Vì thế người có trí,
Ai tham thân huyền này?
Như vậy, thân nếu không,
Sao còn tham hình tướng?

(88) Tính khổ nếu có thực,
Sao không tận niềm vui?
Sự vui nếu có thực,
Sao không vui nổi sâu?

(89) Nếu nói vì khổ nhiều,
Nên không cảm giác vui;
Nếu đã không cảm giác,
Sao lại gọi là vui?

(90) Như nói có ít khổ,
Há đã chẳng trừ khổ?
Nếu nó là vui thừa,
Ít khổ ít là vui!

(91) Nếu do sự nghịch duyên,
Khổ thọ không sinh khởi,
Phải chăng sự khổ, vui,
Đều chỉ là vọng tưởng?

(92) Thế nên tu Không quán,
Đôi trí chấp thực có,
Trong ruộng tốt "quán tuệ",

Trồng món ngon Du Già.

(93) Nếu căn, cảnh cách nhau,
Làm sao sinh cảm xúc?
Nếu không cách, thành một,
Bên nào gặp bên nào?

(94) Trần, trần không vào nhau,
Không trống, lượng bằng nhau,
Không vào thì không hợp,
Không hợp làm sao gặp?

(95) Không phân mà gặp nhau,
Việc này không có lý!
Nếu thấy, xin chỉ cho,
Vật không phân mà gặp!

(96) Ý thức không sắc thân,
Gặp cảnh, không có lý,
Tự cũng không thực có,
Không gặp cảnh, như trên.

(97) Nếu xúc không có thực,
Thọ từ chỗ nào sinh?
Sao đuổi theo trần lao?
Khổ nào hại kẻ nào?

(98) Nếu biết: không người thọ,

Và không sự lãnh thọ,
Đã thấy điều chân thực,
Sao chưa dứt ái kiến!

(99) Thấy nghe hay cảm xúc,
Tính đều như mộng huyễn;
Thọ với tâm cùng sinh,
Nên tâm không thấy thọ.

(100) Niệm sau chỉ nhớ được,
Mà không thọ niệm trước;
Không bị vật khác thọ,
Cũng không thể tự thọ.

(101) Vì không có người thọ,
Thọ cũng không thực có;
Ai nói huyễn thọ này,
Hại được uẩn vô ngã!

(102) Ý không ở trong căn,
Cũng không ở trong sắc,
Không giữa, không trong ngoài,
Cũng không ở chỗ khác,

(103) Chẳng thân, chẳng khác thân,
Chẳng hợp cũng chẳng ly,
Cũng không có thực tính,

(Do đây mà nhận biết)
Hữu tình tính Niết Bàn!

(104) Rồi cảnh đã có thức,
Duyên gì mà sinh thức?
Thức, cảnh nếu đồng thời,
Đã sinh sao đợi duyên?

(105) Thức nếu sinh sau cảnh,
Duyên gì mà được sinh?
Vậy không thể biết được,
Các pháp là thực sinh.

(106) [Phản đối] Nếu không Thế Tục Đế,
Làm sao có Nhi Đế?
Nếu Tục do phân biệt,
Làm sao chừ hữu tình,
Chúng đắc quả Niết Bàn?

(107) [Trung quán] Đây là do phân biệt,
Chúng chẳng phải Tục Đế;
Sau khi ngộ Tính Không,
Dùng giả danh an lập,
Đây gọi là Tục Đế,
Nếu không, không thể tục.

(108) Phân biệt, chớ phân biệt,

Nương nhau mà tồn tại,
Vi thế những quán sát
Đều nương vào tên gọi
Mà thế gian công nhận.

(109) [Phân đôi] Nếu tâm phân tích Không,
Lại bị đem phân tích,
Phân tích nếu bị phân,
Sẽ thành lỗi vô cùng!

(110) [Trung quán] Ngộ chỗ phân là không,
Lý trí không chỗ tựa,
Không tựa nên không sinh,
Gọi đây là Niết Bàn.

(111) Phái Tâm Cảnh Thực Có,
Lý rất khó an lập;
Nếu cảnh do thức thành,
Nương đâu lập thức có?

(112) Nếu thức do cảnh thành,
Nương đâu mà lập cảnh?
Tâm cảnh đối đãi thành,
Cả hai đều không thực.

(113) [Phân đôi] Không con, chắc không cha,
Không cha, ai sinh con?

[Trung quán] Cha con đôi đái thành,
Như thế, không tâm cảnh.

(114) [Phản đối] Như mầm từ hạt sinh
Nhờ mầm biết có hạt,
Thức từ cảnh sinh ra
Sao không biết có cảnh?

(115) [Trung quán] Do thức khác với mầm,
Nên biết rõ có hạt,
Nhưng lúc tâm rõ cảnh,
Nương đâu biết có thức?

(116) Người đời cũng thấy được,
Mọi vật đều có nhân;
Như rễ sen, cọng sen,
Do nhân khác sinh ra.

(117) [Hỏi] Ai làm nhân khác biệt?
[Trung quán] Do nhân trước sai khác.
[Hỏi] Tại sao nhân sinh quả?
[Trung quán] Do lực của nhân trước.

(118) [Mi kiên] Trời Tự Tại là nhân;
[Trung quán] Gì là Trời Tự Tại?
Nếu gọi là đại chúng,
Việc gì chỉ chấp tên?

(119) Các đại chúng không tâm,
Chẳng thương, chẳng phải trời,
Như chớp, bị giấm đập,
Chẳng phải trời Tự Tại.

(120) Trời chẳng phải hư không,
Lại cũng chẳng phải ngã;
Nếu nói không nghĩ bàn,
Vậy trời có nghĩa gì?

(121) Trời đó muốn sinh gì?
Ngã và trời Tự Tại,
Đại chúng há không thương?
Thực sinh từ chỗ biết.

(122) Lại duyên vô thi nghiệp,
Vật nào do trời sinh?
Nếu nói trời vô thi,
Vật chẳng lẽ hữu thi?

(123) Trời không nương vật khác,
Sao không thương tạo tác?
Nếu trời tạo tất cả,
Trời còn nhờ vào đâu?

(124) Nếu nhờ duyên hợp sinh,
Sinh nhân không phải trời,
Duyên hợp, trời phải sinh,

Không hợp, trời không sinh.

(125) Ý muốn không tự tại,
Duyên sinh do lực khác,
Nếu nhờ ý mới sinh,
Sao gọi Tự Tại Thiên?

(126) Vi trần, nhân vạn pháp,
Phần trên đã phá xong;
Số Luận tự cho rằng:
Vật chủ, chúng sinh nhân.

(127) Hỷ lạc, Ưu và Âm,
Ba đức nếu quân bình,
Nói đó là Vật chủ;
Nếu sự quân bình mất,
Hiện thế giới, chúng sinh.

(128) Một thể mà ba tính,
Phi lý, không hiện hữu!
Như vậy đức cũng không,
Vì nó lại có ba.

(129) Nếu không có ba đức,
Không thanh, hương, vị, xúc,
Không cảm giác khổ vui,
Trong những vật không tâm.

(130) Nói pháp đủ nhân tính,
Trên há chẳng xét qua?
Nếu cho vui là nhân,
Mà vãi không phải nhân.

(131) Nếu vãi sinh sự vui,
Không vãi, ít không vui;
Thường tính của sự vui,
Chung cuộc không thể có!

(132) Sự vui nếu thường còn,
Lúc khổ sao không vui?
Nếu nói vui giảm sút,
Vui sao lại nhiều ít?

(133) Từ nhiều biến thành ít,
Sự vui ít không thường!
Như vậy sao không nhận,
Tất cả pháp vô thường?

(134) Nhiều, ít không khác vui,
Rõ ràng vui không thường;
Nếu nhận: nhân là có,
Không nhân quyết không sinh.

(135) Tuy không nhận hiển quả,
Lại nhận có ẩn quả,
Trong nhân nếu có quả,

Ăn cơm tức ăn phần.

(136) Nếu thế tiền mua vải,
Mua hạt bông vải mặc;
Nói người ngu không thấy,
Lời người trí nói ra.

(137) Thế gian cũng nên biết,
Tại sao không thấy quả?
Sự thấy nếu phi lượng,
Chỗ thấy ắt không thực!

(138) [Số luận] Nếu nhận thức đều sai,
Kết quả há chẳng giả?
Uỷ sự tu Không Tánh,
Cũng thành ra sai lầm.

(139) [Trung quán] Chưa biện giả, lập thực,
Chưa biết là không thực,
Chỗ phá thực đã giả,
Không thực ắt cũng giả.

(140) Như người mộng con chết,
Trong mộng biết không con,
Ngăn sự tưởng có con,
Sự ngăn cũng là giả.

(141) Như vậy xét chư pháp,

Biết không thể không nhân,
Cũng không ở cách biệt,
Hoặc hợp chư nhân duyên,

(142) Không do vật khác sinh,
Không ở cũng không đi;
Kẻ ngu si chấp thực,
Khác gì như huyễn hoá!

(143) Vật huyễn, cùng sự vật
Do nhân duyên biến hiện,
Nên tường tận quán sát,
Từ đâu đến, về đâu?

(144) Duyên hợp thấy sự vật,
Không nhân át không thấy;
Hư nguy như ảnh tượng,
Trong đó nào có thực?

(145) Nếu pháp vốn đã có,
Nào còn cần gì nhân?
Nếu pháp vốn không có,
Tại sao còn cần nhân?

(146) Dù dùng ức vạn nhân,
Không, không biến thành có!
Lúc không, sao thành có,

Nếu thành là thế nào?

(147) *Lúc không nếu không có,
Lúc nào mới thành có?
Lúc cái có chưa sinh,
Vẫn chưa rời cái không,*

(148) *Nếu chưa rời cái không,
Ắt không sinh cái có;
Có cũng không thành không,
Nếu không, thành " không-có " .*

(149) *Đã không tự tính sinh,
Cũng không tự tính diệt,
Vì thế chư chúng sinh,
Chung quy, không sinh diệt!*

(150) *Chúng sinh như mộng huyễn,
Xét kỹ như cây chuối,
Niết Bàn, không Niết Bàn,
Bản tính đều không khác.*

(151) *Uầy trong chư pháp Không,
Có gì được, gì mất?
Ai là người cung kính?
Ai người khinh miệt mình?*

(152) Khổ, vui từ đâu sinh?
Đáng gì mà vui, khổ?
Nếu tìm trong bốn tính,
Gì là ái, sở ái?

(153) Xét kỹ kẻ trên đời,
Ai là người sẽ chết?
Ai sinh, ai sẽ sinh?
Ai là thân, là bạn?

(154) Sao không cùng chấp nhận,
Tất cả như hư không!
Người đời muốn tìm vui,
Nhân vì thương với thù,
Buồn, vui trong điên đảo!

(155) Ưu khổ trong truy cầu,
Tranh đoạt, tàn hại nhau,
Vi tạo nhiều tội ác,
Uất vường trong niềm đau!

(156) Tuy từng sinh cõi lành,
Hưởng thọ nhiều khoái lạc,
Chết đi vào ác đạo,
Chịu thống khổ lâu dài.

(157) Ba cõi nhiều gian hiểm,

Trong đây nào thấy Chân?
Chân, vọng nhiều mâu thuẫn;
Nếu không thấy được Chân,

(158) Sẽ chịu khổ không cùng,
Vô biên như biển lớn;
Biển khổ, khó làm lành,
Tuổi đời lại ngắn ngủi.

(159) Lao khổ vì thân mệnh,
Nhân chịu sự đói mệt,
Ngủ nghỉ, bị người hại,
Bạn ngu, làm phi nghĩa.

(160) Thân vô nghĩa chóng tàn,
Quán tuệ rất khó được;
Đời này có pháp nào,
Trừ diệt thói tán loạn?

(161) Đời này ma tìm cách,
Dẫn dụ đọa ác đạo;
Đời này nhiều bợn tà,
Ngăn cản đường Chánh Pháp.

(162) Thân người thực khó được,
Đời Phật lại khó gặp!
Dòng mê không dễ đoạn,

Ồ hay, khổ triền miên!

(163) Luân hồi tuy thống khổ,
Vi mê không thấy biết;
Chúng sinh chìm biển khổ,
Ồ hay, thật đáng thương!

(164) Như kẻ thường tắm gội,
Lại thường vào trong lửa,
Cực khổ đến như vậy,
Vẫn cho là khoái lạc.

(165) Chúng sinh qua cuộc đời,
Giả vờ như không chết,
Đời này gặp giết hại,
Đời sau vào ác đạo!

(166) Đám mây phước đức này,
Mà con từng tích tập,
Khi nào sẽ trút xuống,
Mưa an lạc lợi sinh,
Diệt hết lửa khổ nào?

(167) Khi nào tâm không duyên,
Thành kính tập phước đức,
Với chúng sinh chấp có,
Giảng nói lý Không Tánh.

Hồi Hương



*Người bệnh khổ thân tâm,
Ở tất cả mọi nơi,
Nguyện họ nhờ phước này,
Được vui như biển lớn.*

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Phẩm mười:
Hồi hương

(1) Soạn quyển Nhập Hành này,
Tất cả chư phước thiện,
Hồi hương đến chúng sinh,
Đều nhập Bồ Đề hạnh.

(2) Người bệnh khổ thân tâm,
Ở tất cả mọi nơi,
Nguyện họ nhờ phước này,
Được vui như biển lớn.

(3) Nguyện kẻ trong luân hồi,
Không mất sự an lạc,
Nguyện họ đều sẽ được,
Vui Bồ Đề không dứt.

(4) Nguyện cho các địa ngục,
Ở tất cả thế giới,
Những chúng sinh trong đó
Đều được vui Cực Lạc!

(5) Nguyện ngục băng ấm áp,
Và nguyện mây Bồ Tát,

Trút xuống mưa cam lộ,
Làm mát sự nhiệt nảo.

(6) Nguyên cho rừng đao kiếm,
Biến thành vườn hoa đẹp,
Nguyên cây gươm, đao nhọn,
Đều mọc cành như ý.

(7) Địa ngục thành vườn vui,
Hồ sen thơm ngào ngạt,
Trong vườn thiên nga, nhạn,
Loài chim đẹp hoà ca.

(8) Lửa dữ thành trần bảo,
Sắt nóng thành pha lê,
Núi ép nhiều khủng bố
Biến thành cung điện Phật!

(9) Đá lửa, binh khí nhọn,
Biến thành trận mưa hoa,
Đao kiếm giết hại nhau,
Thành hoa thơm vung rải.

(10) Đối với những chúng sinh,
Trời ngập trong sông lửa,
Thịt da đều cháy kết,
Phơi màu xương trắng bạch,

Nguyện họ nhờ phước này,
Được thân sắc vi diệu,
Bên ao trời thơm mát,
Cùng thiên nữ đùa vui.

(11) Tại sao trong địa ngục,
Chim cắt, quỉ, điều hầu,
Đột nhiên sinh sợ hãi?
Ai có diệu lực này,
Trừ u ám sinh vui?
(Chúng sinh trong địa ngục)
Nghĩ xong, nhìn trời cao,
Vui thấy Kim Cương Thủ;
Nguyện nhờ niềm vui này,
Tội diệt, theo chân ngài!

(12) Nguyện chúng sinh địa ngục,
Thấy mưa hoa nước thơm,
Từ lưng trời trút xuống,
Dập tắt lửa ngục dữ;
Thấy rồi, lòng hoan hỷ,
Không biết nhân duyên nào?
Nghĩ thế, nhìn trời cao,
Vui thấy Quán Thế Âm.

(13) Nguyện chúng sinh địa ngục,
Hân hoan thấy Văn Thù:

Các bạn mau đến đây,
Trên không hiện Văn Thù,
(Sáng ngời năm búi tóc)
Đã sinh Bồ Đề tâm,
Sức mạnh diệt chur khổ,
Đem vui, hộ chúng sinh,
Làm tan hết sợ hãi;
Ai mà mong xa ngại?

(14) Ngài ở cung Đẹp Lòng,
Thiên nữ đều ca tụng,
Trăm vị thần đội mũo,
Đồng lay trước tòa sen,
Mưa hoa đầy mái tóc,
Từ bi mắt lệ nhòa.

(15) Nguyễn chúng sinh địa ngục,
Do sức thiện căn này,
Đều thấy đức Phổ Hiền,
Mây Bồ Tát vô ngại,
Mưa trời hương phưng phức,
Mát mẽ lòng an lạc,
Đã được thấy các ngài,
Rào rạt niềm hoan hỉ.

(16) Nguyễn bàng sinh không sợ,
Sợ sát hại lẫn nhau,

Nguyện cho nga quỉ được,
Bức Cầu Lô khoái lạc.

(17) Nguyện đức Quán thế Âm,
Tay rửa sữa cam lộ,
Làm nga quỉ được no,
Mát mẽ, thường tắm gội.

(18) Nguyện kẻ mù được thấy,
Kẻ điếc thường được nghe;
Như mẹ Phật Ma Da,
Sân phụ sanh không ngại.

(19) Kẻ trần truồng được áo,
Kẻ đói được cơm no,
Kẻ khát được nước trong,
Cam Lộ mùi vi diệu.

(20) Nguyện kẻ nghèo được của,
Người khổ được an vui,
Nguyện những kẻ tuyệt vọng,
Phấn chấn, ý kiên cố!

(21) Nguyện cho kẻ tật bệnh,
Mau thoát khỏi sự khổ,
Lại nguyện cho tật bệnh,
Vĩnh viễn không còn sinh!

(22) Nguyên kẻ nhất không sợ,
Kẻ tù được giải thoát,
Kẻ yếu, sức cường tráng,
Thường nghĩ giúp đỡ nhau.

(23) Nguyên kẻ đi kinh doanh,
Nơi nơi đều an lạc,
Chỗ cầu tất cả lợi,
Không nhọc, đều thành tựu.

(24) Nguyên cho người thương thuyền,
Thỏa mãn tâm mong cầu,
Đến bến được bình an,
Hân hoan gặp bè bạn.

(25) Nguyên những kẻ lạc đường,
Mau gặp đoàn đi buôn,
Không còn sợ cướp, cướp,
Thuận lợi, thân không mệt.

(26) Xin trời thương bảo hộ,
Kẻ ở nơi hoang hiểm,
Cùng kẻ già, cô độc,
Cuồng điên và ngu si.

(27) Nguyên được sinh thân người,

Đủ tin, từ, ái, tuệ,
Thức ăn được tràn đầy,
Thường thường nhớ quá khứ.

(28) Thọ dụng không cùng tận,
Như Kho Tàng Hư Không,
Không tranh giành giết hại,
An nhiên hưởng tuổi trời.

(29) Nguyên những kẻ nghèo nàn,
Hưởng được sự vinh quang;
Nguyên những kẻ tật nguyên,
Tướng trang nghiêm, tráng kiện.

(30) Nguyên người nữ yếu đuối,
Thành thân nam hùng tráng;
Kẻ nghèo được công danh,
Ngạo mạn thành khiêm tốn.

(31) Nguyên tất cả hữu tình,
Được nhờ công đức này,
Đều đoạn tất cả ác,
Thường ra làm phước thiện.

(32) Nguyên không xả Bồ Đề,
Dấn thân hành Bồ Tát,
Chư Phật thường hộ niệm,

Đoạn kết những nghiệp ma!

(33) Nguyện cho chừ hữu tình,
Tuổi thọ dài vô lượng,
Sống cuộc đời an lạc,
Không còn nghe tiếng chết.

(34) Nguyện tất cả mọi nơi,
Mọc rừng cây Như ý,
Vô số Phật, Bồ tát,
Giảng lời Pháp vi diệu.

(35) Nguyện cho khắp mười phương,
Không sỏi cát, chông gai,
Đất phẳng tựa lưu ly,
Trơn láng không chướng ngại.

(36) Nguyện trong đệ tử Phật,
Chừ vị đại Bồ Tát,
Đều dùng diệu công đức,
Trang nghiêm Phật đạo tràng!

(37) Nguyện tất cả hữu tình,
Thường được nghe tiếng chim,
Cây, hư không, ánh sáng,
Nói lời pháp vi diệu.

(38) Nguyên họ thường gặp Phật,
Cùng chư vị Bồ Tát,
Đem vô lượng mây lành,
Cúng dường Thầy chúng sinh.

(39) Nguyên phong điều vũ thuận,
Ngũ cốc được tràn đầy,
Ua hiền tôn Chánh Pháp,
Thế sự đều hưng long.

(40) Nguyên thuốc thành thân được,
Chú thuật đều linh nghiệm,
Bợn dạ xoa, la sát,
Đều khởi lòng từ bi.

(41) Nguyên chúng sinh không khổ,
Không bệnh, không tạo tội,
Không sợ, không bị khinh,
Không ai không an lạc!

(42) Nguyên tất cả chừa chiến,
Đọc tụng đều hưng thanh,
Tăng già thường hòa hợp,
Phật sự đều hanh thông!

(43) Nguyên các vị tỳ kheo,
Thường ở nơi tịch tĩnh,

Sau khi trừ tán loạn,
Kính an tu pháp lành.

(44) Nguyên chư ni được lợi,
Không tranh, không bị hại;
Như thế, chúng xuất gia,
Giới đủ không khiếm khuyết!

(45) Nguyên kẻ phạm sinh hối,
Thường sám chư tội lỗi,
Mệnh chung sinh cõi lành,
Không còn khuyết giới hạnh!

(46) Người trí được tôn sùng,
Hóa duyên đều đầy đủ,
Thân tâm đều thanh tịnh,
Danh dự khắp mười phương.

(47) Nguyên rời đường ác khổ,
Cùng những sự gian nan,
Dùng thân hơn trời này,
Mau chóng thành Chánh Giác!

(48) Nguyên cho chư hữu tình,
Ân cần cúng dường Phật!
Nhờ phước Phật vô biên,
Thường thường được an lạc.

(49) Bồ Tát được mãn nguyện,
Thành tựu lợi chúng sinh,
Nguyện hữu tình đều được,
Phật từ bi hộ niệm!

(50) Nguyện Thanh văn, Độc giác,
Hưởng sự vui Niết bàn;
Được tất cả trời người,
Kính, cúng dường, thờ phụng.

(51) Trước khi đắc Sơ địa,
Nguyện nhờ ơn Văn Thù,
Thường nhớ được quá khứ,
Xin xuất gia làm tăng!

(52) Nguyện ăn uống đạm bạc,
Chỉ duy trì sắc thân,
Đời đời đều sẽ được,
Nơi tu hành tích đức.

(53) Đời nào muốn xem kính,
Hoặc hỏi nghĩa Phật Pháp,
Nguyện đều không chướng ngại,
Thấy được Đức Văn Thù.

(54) Nguyện ở khắp mười phương,

Thành biện lợi hữu tình,
Nguyện làm mọi việc lành,
Như Văn Thù viên mãn.

(55) Cho đến tận hư không,
Nơi nào có chúng sinh,
Nguyện sẽ đến nơi đó,
Diệt khổ đau cho họ!

(56) Nguyện trút vào thân này,
Tất cả khổ chúng sinh,
Nhờ đức của Bồ Tát,
Chúng sinh hưởng an lạc!

(57) Nguyện thuốc lành trừ khổ,
Gốc của sự an lạc,
Giáo pháp được hộ trì,
Trường cứu ở thế gian!

(58) Kính lạy đức Văn Thù,
Nhờ ơn sâu của Ngài,
Khiến con sinh tâm lành!
Cùng lạy thiện tri thức,
Cũng nhờ ơn các ngài,
Tam học con tăng trưởng!

